

TECHCOMBANK

Mạnh mẽ bứt phá

Báo cáo thường niên 2010

www.techcombank.com.vn

TECHCOMBANK 

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
70 – 72 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 04. 39446368 • Fax: 04. 39446362

TECHCOMBANK 

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TECHCOMBANK

Mạnh mẽ bứt phá - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Techcombank được thành lập từ năm 1993, trụ sở chính đặt tại Hà Nội. Techcombank hiện là một trong những ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam với tốc độ tăng trưởng về tổng tài sản và doanh thu hàng năm luôn đạt trên 30% trong nhiều năm qua. Tính đến cuối năm 2010, tổng tài sản của Techcombank đạt trên 150.000 tỷ đồng.

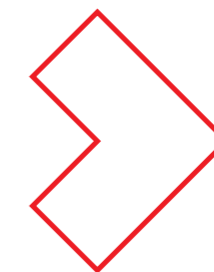
Với gần 300 chi nhánh/phòng giao dịch, hơn 1.000 máy ATM và đội ngũ gần 7.000 nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, Techcombank đang phục vụ gần 50.000 khách hàng doanh nghiệp và hơn 1,3 triệu khách hàng cá nhân trên toàn quốc.

Cùng với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược HSBC có tỷ lệ cổ phần nắm giữ tối đa 20% và tư vấn chiến lược của McKinsey, Techcombank đang tiến hành chương trình TechcomOne - kế hoạch chuyển đổi toàn diện giai đoạn 2009 - 2014, hướng tới mục tiêu trở thành **Ngân hàng tốt nhất và Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam**.

Trong năm 2010, TechcomOne đã được triển khai sâu rộng, tạo ra những thay đổi cơ bản nhằm củng cố và phát triển các yếu tố nền tảng để xây dựng một ngân hàng hiện đại, tạo thế và lực vững chắc cho sự bứt phá mạnh mẽ của Techcombank trong năm 2011 và những năm tiếp theo.

➤ MỤC LỤC

	Tầm nhìn, Sứ mệnh, 5 Giá trị cốt lõi	2-3
	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Thông điệp của Tổng Giám đốc Cơ cấu quản trị Ngân hàng Ban Lãnh đạo	6-7 8-9 10-11 12-19
	10 sự kiện nổi bật năm 2010 Giải thưởng & Sự công nhận Đánh giá hoạt động của Ngân hàng năm 2010 Chi tiết dịch vụ ngân hàng Quản trị rủi ro Trách nhiệm cộng đồng	22-25 26-27 28-33 34-45 46-49 50-51
	Báo cáo tài chính hợp nhất	54-97
	Mạng lưới Chi nhánh	100



Tầm nhìn

Trở thành Ngân hàng tốt nhất và Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam



Sứ mệnh

- ▶ Trở thành đối tác tài chính được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng, dựa trên cơ sở luôn coi khách hàng là trọng tâm.
- ▶ Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt.
- ▶ Mang lại cho cổ đông những lợi ích hấp dẫn, lâu dài thông qua việc triển khai một chiến lược phát triển kinh doanh nhanh mạnh, song song với việc áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế.

5 Giá trị cốt lõi

- ▶ **KHÁCH HÀNG LÀ TRÊN HẾT**
Chúng tôi trân trọng từng khách hàng và luôn nỗ lực mang đến những sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- ▶ **LIÊN TỤC CẢI TIẾN**
Chúng tôi đã tốt nhưng luôn có thể tốt hơn, vì vậy chúng tôi sẽ không ngừng học hỏi và cải thiện.
- ▶ **TINH THẦN PHỐI HỢP**
Chúng tôi tin tưởng vào đồng nghiệp của mình và hợp tác để cùng mang lại điều tốt nhất cho Ngân hàng.
- ▶ **PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC**
Chúng tôi tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mỗi cá nhân và khen thưởng xứng đáng cho những người đạt thành tích.
- ▶ **CAM KẾT HÀNH ĐỘNG**
Chúng tôi luôn đảm bảo rằng công việc đã được cam kết sẽ phải được hoàn thành.



Nền tảng bền vững, Chúng tôi tạo đà
Bắt đầu bứt phá



TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC CHIẾN LƯỢC

Trong năm 2011, Techcombank sẽ mạnh mẽ bứt phá thông qua việc triển khai hiệu quả 3 chiến lược kinh doanh chính đó là chiến lược phát triển của Khối Dịch vụ ngân hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), Chiến lược của Khối ngân hàng Giao dịch (Transaction banking), và Chiến lược phát triển của Khối Dịch vụ Ngân hàng tài chính Cá nhân (PFS) mà trọng tâm là dịch vụ khách hàng ưu tiên (Priority banking).



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2010 tiếp tục được coi là một năm thành công của Techcombank với dấu ấn quan trọng là giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2010” do Euromoney, tạp chí tài chính uy tín hàng đầu thế giới trao tặng. Năm nay, lần đầu tiên lợi nhuận sau thuế của Techcombank đã vượt qua mốc 100 triệu USD và cũng là lần đầu tiên Ngân hàng vươn lên vị trí số 2 trong số các ngân hàng TMCP về chỉ số tổng tài sản, đồng thời vẫn giữ vững vị thế trong top các ngân hàng dẫn đầu về hiệu quả lợi nhuận (RoA và RoE). Với sự ủng hộ mạnh mẽ của cổ đông, cuối năm 2010, Techcombank đã phát hành thành công 3.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, qua đó nâng cao năng lực nguồn vốn của Ngân hàng thể hiện qua chỉ số an toàn vốn (CAR) khá cao là 13,11%. Trong năm vừa qua, Techcombank cũng là ngân hàng có tốc độ phát triển mạng lưới mạnh nhất và hiện đã có khoảng 300 chi nhánh, phòng giao dịch và hơn 1.000 ATM trên toàn quốc.

Là Ngân hàng Việt Nam đi đầu trong việc chuyển đổi chiến lược hoạt động, với sự trợ giúp của công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới là McKinsey & Co., trong năm 2010, Techcombank đã có những thay đổi mạnh mẽ về định hướng kinh doanh và cấu trúc tổ chức. Ngân hàng đã xây dựng lại được chiến lược kinh doanh mới cho mảng khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Trong năm 2011, Techcombank sẽ **mạnh mẽ bứt phá** thông qua việc triển khai có hiệu quả các chiến lược kinh doanh SME toàn diện, chiến lược khách hàng lớn với ưu tiên chính là mảng khách hàng giao dịch (Transaction banking), và chiến lược kinh doanh bán lẻ với trọng tâm là lĩnh vực **khách hàng ưu tiên** (Priority banking). Techcombank cũng sẽ hợp tác chặt chẽ với cổ đông chiến lược là HSBC để tiếp tục nâng cao năng lực về quản trị rủi ro, kế hoạch tài chính, đào tạo nhân tài và đồng thời, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống công nghệ thông tin đã và đang là thế mạnh của Techcombank.

Năm 2011 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm nhiều khó khăn khi mà ngay từ đầu năm, đà phục hồi vốn đã chậm của nền kinh tế thế giới lại gặp phải những thách thức lớn như bất ổn chính trị ở Bắc Phi và Trung Đông, thảm họa động đất, sóng thần ở Nhật Bản. Ở trong nước, nguy cơ lạm phát cao và những biện pháp chính sách thắt chặt của cơ quan quản lý nhà nước cũng báo hiệu nền kinh tế Việt Nam có thể sẽ không thể tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao như trước. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Techcombank cũng đã chuẩn bị các điều chỉnh mang tính chiến thuật trong kế hoạch kinh doanh để đảm bảo rằng năm 2011, Techcombank sẽ tiếp tục vượt qua được những khó khăn ví mô và hoàn thành tốt những chỉ tiêu kinh doanh được cam kết với cổ đông.

Về lâu dài, trong chiến lược phát triển 5 năm của mình, Techcombank đã xác định sứ mệnh của Ngân hàng là “mang lại cho cổ đông những lợi ích hấp dẫn, lâu dài thông qua việc triển khai một chiến lược phát triển kinh doanh nhanh mạnh song song với việc áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế”. Để đạt được điều này, Hội đồng Quản trị Techcombank cam kết sử dụng những nguồn lực tài chính quý báu của Ngân hàng vào các hoạt động kinh doanh có hiệu quả, đồng thời kiên trì, nhất quán với quá trình chuyển đổi hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng Việt Nam đầu tiên đạt được những chuẩn mực quốc tế.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Techcombank, xin được chân thành cảm ơn quý vị cổ đông, các đối tác và khách hàng đã luôn quan tâm, ủng hộ Ngân hàng trong thời gian qua và mong rằng các quý vị sẽ luôn hỗ trợ, sát cánh cùng Techcombank trong hành trình trở thành Ngân hàng tốt nhất và Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.



HỒ HÙNG ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



“Sứ mệnh của Techcombank là mang lại cho cổ đông những lợi ích hấp dẫn, lâu dài thông qua việc triển khai một chiến lược phát triển kinh doanh nhanh mạnh song song với việc áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế”.

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KÍNH THƯA QUÝ KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC VÀ QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG!

Kết thúc một năm 2010 đầy khó khăn, bản lĩnh Techcombank một lần nữa được khẳng định khi Ngân hàng không những đứng vững trước thách thức mà còn duy trì được sự phát triển đáng kể về cả quy mô và hiệu quả hoạt động. Những thành tựu quan trọng của nhiều chương trình, sáng kiến chiến lược được triển khai trên toàn hệ thống đã đưa Ngân hàng Techcombank tiếp tục “**Mạnh mẽ bất phá**”.

Những điểm sáng năm qua là các chỉ tiêu chất lượng có bước tiến nhanh và bền vững. Tổng tài sản toàn hệ thống đạt 150.291 tỷ đồng, tăng 62% so với năm 2009, vượt 17% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế của toàn hệ thống cả năm đạt 2.744 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2009. Tổng nguồn vốn huy động của toàn hệ thống đạt 108.334 tỷ đồng, tăng gần 50% so với năm 2009. Chỉ số này cho thấy một sự tăng trưởng rất tốt khi huy động từ dân cư, nguồn vốn huy động có tính ổn định cao nhất, tăng 44% so với cuối năm 2009. Tổng dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2010 đạt 52.928 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2009. Tỷ lệ an toàn vốn đến thời điểm cuối năm 2010 là 13,11%, cao hơn nhiều so với mức quy định 9% của Ngân hàng Nhà nước. Ngày 28/12/2010, Techcombank đã phát hành thành công 30 triệu trái phiếu chuyển đổi, tương đương 3.000 tỷ đồng, giúp tăng thêm tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng, đồng thời khẳng định sự tin tưởng, đánh giá cao của các cổ đông đối với Techcombank trong giai đoạn nguồn cung vốn gặp rất nhiều khó khăn.

Đặc biệt, Techcombank đã có những bước chuẩn bị quan trọng để bất phá trong thời gian tới bằng việc quyết liệt chuyển đổi, tái cơ cấu ở tất cả các lĩnh vực theo hướng chuyên môn hóa. Năm 2010, Techcombank đã tập trung tối đa mọi nguồn lực để phát triển các nền tảng cơ bản theo tiêu chuẩn của một ngân hàng hiện đại, nhằm tạo đà cho sự phát triển nhanh và mạnh ở những năm kế tiếp.

Đó là nền tảng về **nguồn nhân lực, hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ và phát triển mạng lưới**:

Thứ nhất, tiếp tục xây dựng và phát huy giá trị cốt lõi “phát triển nguồn nhân lực”. Năm qua, Ngân hàng đã triển khai một loạt chương trình và chính sách nhân sự mới nhằm hiện thực hóa sứ mệnh “Tạo dựng một môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên”. Dưới sự định hướng của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cùng với sự hỗ trợ của nhà tư vấn chiến lược McKinsey, chúng tôi đã xây dựng một “Chính sách nhân sự” cụ thể,

rõ ràng cho từng giai đoạn. Năm 2010, tổng số lượng nhân viên Techcombank là 6.960 người, tăng 38% so với năm 2009. Tổng cộng 559 khóa đào tạo nội bộ và 207 khóa đào tạo bên ngoài cho 23.297 lượt học viên đã được triển khai, cùng với đó là việc hoàn tất đánh giá, phong hàm cho 5.000 cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống. Tính chuyên nghiệp và hiệu quả của đội ngũ nhân sự đã và sẽ tiếp tục được Techcombank xác định là một phần thiết yếu làm nên những thành tựu của Ngân hàng.

Thứ hai, trong năm 2010, Techcombank tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát rủi ro chuyên sâu, góp phần kiểm soát nợ xấu ở mức 2,29% vào thời điểm 31/12/2010. Công tác quản trị rủi ro đã đem đến một cái nhìn toàn diện, hỗ trợ đắc lực cho Ban lãnh đạo Ngân hàng điều hành hiệu quả trước những biến động phức tạp của kinh tế vĩ mô, quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất hiệu quả trên thị trường tiền tệ.

Thứ ba, kế thừa nền tảng công nghệ cao của Ngân hàng trong nhiều năm trước, năm 2010 tiếp tục là một năm thành công của mảng công nghệ trong việc xây dựng và triển khai các quy trình quản lý công nghệ cũng như quản lý rủi ro công nghệ. Trong năm qua, các bộ phận công nghệ của chúng tôi đã triển khai thành công trên 30 dự án. Đồng thời, tiếp tục khẳng định vị trí tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng điện tử với sự phát triển mạnh của dịch vụ F@st I-bank và sản phẩm mới F@st MobiPay - một dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động được khách hàng đánh giá cao.

Thứ tư, năm 2010, mạng lưới hoạt động của Techcombank phát triển cả về số lượng và chất lượng. Từ 188 điểm giao dịch năm 2009, đến cuối năm 2010, Techcombank đã khai trương thêm 94 điểm giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch lên 282 điểm. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã có một bước ngoặt lớn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động kinh doanh khi chuyển đổi từ mô hình quản lý đơn vị theo miền (Bắc - Trung - Nam) sang mô hình quản lý theo vùng kinh tế để có thể đưa ra các chiến thuật kinh doanh phù hợp với đặc thù từng vùng.

Năm qua, **Dự án chuyển đổi chiến lược 5 năm 2009 - 2014** mang tên **TechcomOne** với sự hỗ trợ tích cực của **nhà tư vấn chiến lược hàng đầu McKinsey** cũng đã đi qua chặng đường đầu tiên với nhiều thành tựu khả quan. Vị thế của Ngân hàng đã có những bước tiến lớn cả về nền tảng và tính phổ cập của thương hiệu Techcombank trong cộng đồng.

Bước sang năm 2011, Techcombank đặt ra những khát vọng lớn, thể hiện qua những chỉ tiêu tài chính ấn tượng phải được hoàn thành như: tổng tài sản đạt 188.000 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 4.000 tỷ đồng; giảm tỷ lệ

nợ xấu xuống còn 2,04%; tăng số lượng chi nhánh/phòng giao dịch lên 360 đơn vị; phần đầu tỷ lệ ROA, ROE và các chỉ số về nguồn vốn huy động, tổng dư nợ luôn ở mức cao trong nhóm Ngân hàng TMCP dẫn đầu thị trường.

Để hiện thực hóa những mục tiêu tài chính nhiều tham vọng trên, Techcombank sẽ không ngừng củng cố, kiện toàn và phát triển các hoạt động nền tảng bao gồm:

- Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ các chương trình đào tạo nhân sự, phát triển và quản lý tài năng, làm nền móng cho việc phát triển bền vững, đồng thời xây dựng cấu trúc tiền lương mới, cùng các chính sách lương, thưởng và phúc lợi sát với thị trường, thực sự cạnh tranh, nhằm tạo ra một môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và chuẩn hóa hoạt động theo các chuẩn mực quốc tế, nhằm khai thác hiệu quả nhất các phân khúc thị trường trọng tâm.
- Tăng cường và hoàn thiện các biện pháp đảm bảo an toàn hoạt động thông qua hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nghiêm ngặt.
- Tiếp tục đầu tư cho hệ thống hạ tầng, áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và kinh doanh.
- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, hình thành cộng đồng Techcombank nhân văn và đoàn kết.



“**Kết thúc một năm 2010 đầy khó khăn, bản lĩnh Techcombank một lần nữa được khẳng định khi Ngân hàng không những đứng vững trước thách thức mà còn duy trì được sự phát triển đáng kể về cả quy mô và hiệu quả hoạt động.**”

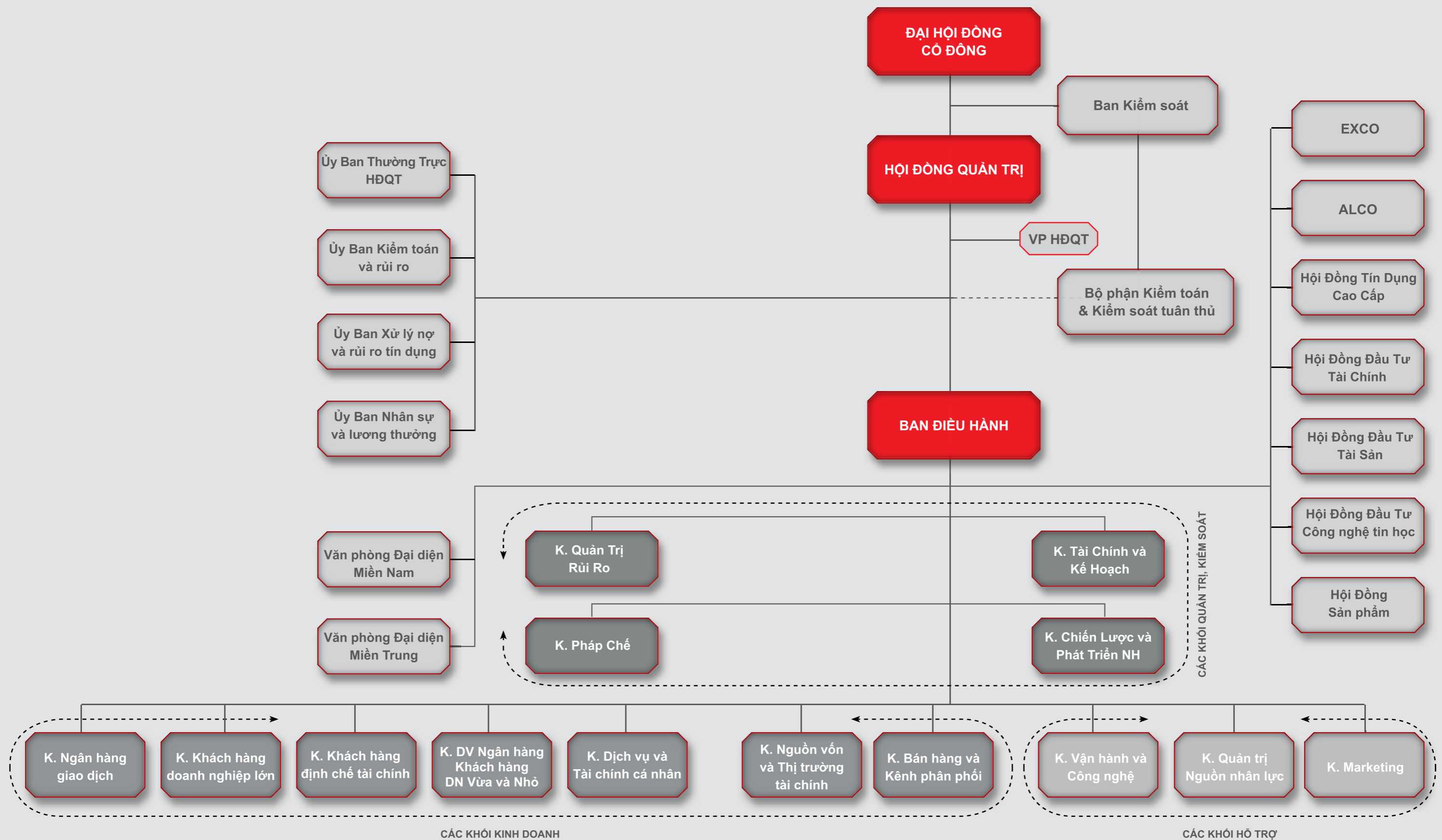
Với những tiềm lực nội tại cùng sự ghi nhận từ khách hàng, đối tác và các tổ chức trong và ngoài nước qua các giải thưởng uy tín mà Techcombank đã nhận được trong năm qua, chúng tôi có động lực và có niềm tin để “**Mạnh mẽ bất phá**” trong năm 2011, đưa Techcombank hướng đến những tầm cao mới.

Trong chặng đường phát triển còn dài phía trước, Techcombank hy vọng và tin tưởng sẽ nhận được sự ủng hộ của Quý vị khách hàng, đối tác, sự chung sức của Quý vị cổ đông và tập thể cán bộ nhân viên Ngân hàng. Chúng tôi cam kết rằng, niềm tin của quý vị sẽ được đền đáp xứng đáng bằng những giá trị mà Techcombank luôn tâm niệm phải vươn tới.

Chúng ta sẽ cùng nỗ lực và đón chờ thành công mới trong năm 2011.

Trân trọng!

NGUYỄN ĐỨC VINH
Tổng Giám đốc





1	2	3
4	5	6
7	8	9

1. Ông Hồ Hùng Anh
Chủ tịch

Tốt nghiệp Kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 tới nay.

2. Ông Nguyễn Đăng Quang
Phó Chủ tịch thứ nhất

Tốt nghiệp Tiên sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.

3. Ông Nguyễn Thiệu Quang
Phó Chủ tịch

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia quản trị Ngân hàng các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.

4. Ông Nguyễn Cảnh Sơn
Phó Chủ tịch

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT từ tháng 05/2008 tới tháng 03/2009. Từ tháng 04/2009 tới nay ông là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank.

5. Ông Sumit Dutta
Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh, học viện Quản trị Kinh doanh Jadavpur, Ấn Độ. Ông Sumit Dutta có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại HSBC, từ năm 2008 tới tháng 02/2009 ông đảm nhận chức vụ Giám đốc Khối Dịch vụ Tài chính cá nhân của Ngân hàng. Từ tháng 04/2009 tới nay, ông là Thành viên HĐQT Techcombank.

6. Ông Trần Thanh Hiền
Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông Trần Thanh Hiền có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính tại Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông là Thành viên HĐQT Techcombank.

7. Ông Madhur Maini
Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính và Cử nhân Khoa học ứng dụng chương trình Quản lý và công nghệ của ĐH bang Pennsylvania tại Mỹ. Ông Madhur Maini có nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động tại các tập đoàn tài chính lớn của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông là Thành viên HĐQT Techcombank.

8. Ông Stephen Colin Moss
Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và Kế toán của đại học Kent, Vương Quốc Anh; kế toán viên, Học viện kế toán tại Anh và xứ Wales. Ông Stephen Colin Moss có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán, hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Điều hành, Giám đốc Ban Sát nhập và Mua lại thuộc Tập đoàn HSBC. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông Stephen Colin Moss là thành viên HĐQT.

9. Ông Nguyễn Đức Vinh
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Pháp và Hoa Kỳ và thạc sĩ tại Đại học Quản trị kinh doanh HEC, Pháp. Ông Nguyễn Đức Vinh đã có hơn 10 năm thâm niên kinh nghiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Từ tháng 04/2009, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Techcombank.



1	2
3	4

1. Bà Nguyễn Thu Hiền
Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Thành viên Chuyên trách

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Liên Bang Nga, Bà Nguyễn Thu Hiền tham gia hoạt động trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát tại Ngân hàng từ năm 1999. Từ tháng 04/2010 đến nay, bà là Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank.

2. Bà Vũ Thị Dung
Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán, Kiểm toán viên. Bà Vũ Thị Dung có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Từ tháng 04/2009 đến nay bà là thành viên Ban Kiểm soát.

3. Ông Nguyễn Quỳnh Lâm
Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Kỹ sư Kinh tế mở, trường Đại học Mở địa chất. Ông Nguyễn Quỳnh Lâm là thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách của Ngân hàng từ tháng 05/2008 tới tháng 03/2009. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông là thành viên Ban Kiểm soát Techcombank.

4. Bà Bùi Thị Hồng Mai
Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán. Bà Nguyễn Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 04/2010 đến nay, bà là thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách Techcombank.



1	2
3	4
5	6



1. Ông Hồ Hùng Anh *
Chủ tịch NORCO

3. Ông Nguyễn Thiệu Quang *
Thành viên NORCO

5. Ông Nguyễn Đức Vinh *
Thành viên NORCO

2. Ông Nguyễn Đăng Quang *
Thành viên NORCO

4. Ông Sumit Dutta *
Thành viên NORCO

6. Ông Nguyễn Văn Thọ
Thành viên NORCO

Tốt nghiệp Đại học tại Hungary, ông Nguyễn Văn Thọ từng giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự tại IBM và Citibank Việt Nam trong nhiều năm. Từ tháng 06/2009 đến nay, ông giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực.

* Xem thông tin tại phần HĐQT



1. Ông Hồ Hùng Anh *
Chủ tịch ARCO

2. Bà Nguyễn Thị Thiên Hương
Thành viên Thường trực ARCO

Tốt nghiệp cử nhân Khoa học, cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh MBA, bà Nguyễn Thị Thiên Hương có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng với các chức vụ khác nhau như: Phụ trách Phòng Dự án & Đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 07/2009 đến nay, bà là Thành viên Thường trực ARCO.

3. Ông Nguyễn Đăng Quang *
Thành viên ARCO

4. Ông Nguyễn Thiệu Quang *
Thành viên ARCO

5. Ông Hoàng Văn Đạo
Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Tiến sỹ Khoa học kỹ thuật và đã có nhiều năm tham gia quản trị điều hành tại Techcombank với các chức vụ như: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị. Từ tháng 07 năm 2008 đến nay, ông là thành viên ARCO.

6. Ông Sumit Dutta *
Thành viên ARCO

7. Ông Nguyễn Đức Vinh *
Thành viên ARCO

1	2
3	4
5	6
	7

* Xem thông tin tại phần HĐQT



1. Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Pháp và Hoa Kỳ và thạc sĩ tại Đại học Quản trị kinh doanh HEC, Pháp. Ông Nguyễn Đức Vinh đã có hơn 10 năm thâm niên kinh nghiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Từ tháng 04/2009, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Techcombank.

2. Ông Lê Xuân Vũ

Giám đốc Khối chiến lược và Phát triển ngân hàng

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Northcentral, Hoa Kỳ. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Công nghệ Techcombank, Phó Tổng Giám đốc Techcombank, Giám đốc Kinh doanh Vùng 2, và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối chiến lược và Phát triển Ngân hàng từ tháng 1 năm 2011.

3. Bà Bạch Thủy Hà

Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Công nghệ Sydney và Thạc sĩ Xã hội học tại Đại học Lueven, Bỉ. Bà từng giữ chức vụ Trưởng đại diện Văn phòng Hà Nội, Ngân hàng Deutsche AG và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch từ tháng 11 năm 2009.

4. Ông Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực

Tốt nghiệp Đại học tại Hungary, ông Nguyễn Văn Thọ từng giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự tại IBM và Citibank Việt Nam trong nhiều năm. Từ tháng 06/2009 đến nay, ông giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực.

5. Ông Nguyễn Thành Long

Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát

Tốt nghiệp Thạc sĩ Đại học Luật Hà Nội. Ông từng giữ chức vụ Phó vụ trưởng Vụ Pháp chế Ngân hàng nhà nước, Phó Tổng Giám đốc Techcombank và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát từ tháng 11 năm 2009.

6. Ông Nguyễn Công Thành

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM. Ông từng giữ nhiều chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng thương mại tại ABN, AMRO Bank tại Việt Nam, Giám đốc đầu tư Temasek Holdings tại Việt Nam và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn từ tháng 05 năm 2010.

7. Ông Phan Thanh Sơn

Giám đốc Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính

Tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại Trường đại học Kinh Tế Quốc Dân và từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Tiên Phong. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính từ tháng 01 năm 2011.

8. Ông Suleman Chhagla

Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Tốt nghiệp Đại học Thương mại tại Đại học Karachi và từng giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TW Pakistan. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Quản trị rủi ro từ tháng 10 năm 2010.

9. Ông Anthony Guerrier

Giám đốc Khối tài chính và Kế hoạch

Tốt nghiệp Thạc sĩ về Tài chính và Kế toán tại DESCF và từng giữ chức vụ quản lý nhiều năm tại Ngân hàng HSBC, Pháp. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối tài chính và kế hoạch từ tháng 11 năm 2009.

10. Ông Phạm Quang Thắng

Giám đốc Khối DV khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Tốt nghiệp Thạc sĩ tại Trường Đại học công nghệ Swinburne. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn và giao dịch, Phó Tổng Giám đốc Techcombank và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Dịch vụ khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ từ tháng 12 năm 2009.

11. Ông Nguyễn Cảnh Vinh

Giám đốc Khối bán hàng và Kênh phân phối

Tốt nghiệp Thạc sĩ Đại học Latrobe và từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hội sở Techcombank, Giám đốc Kinh doanh Vùng 1. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối từ tháng 01 năm 2011.

12. Bà Đỗ Diễm Hồng

Giám đốc Khối Khách hàng Định chế tài chính

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG). Bà từng giữ chức vụ Giám đốc tài trợ thương mại xuất nhập khẩu Ngân hàng JPMorgan, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng và Quản trị rủi ro tín dụng và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng định chế tài chính từ tháng 04 năm 2010.

13. Ông Phùng Quang Hưng

Giám đốc Khối Vận hành & Công nghệ

Tốt nghiệp tại Thạc sĩ Thương mại quốc tế, Đại học Washington State, Hoa Kỳ. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng National Australia, Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ từ tháng 09 năm 2010.

14. Bà Đặng Tuyết Dung

Giám đốc Khối Dịch vụ ngân hàng & Tài chính Cá nhân

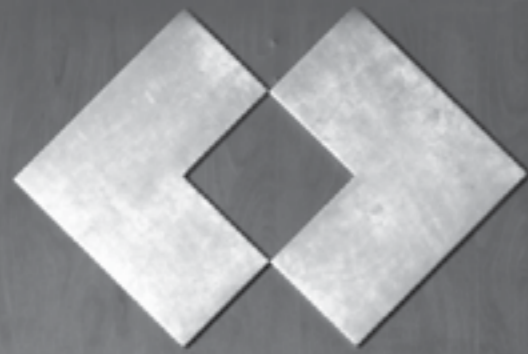
Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân và từng giữ chức vụ Giám đốc phát triển sản phẩm Quản lý luồng tiền và Thanh toán quốc tế tại Citibank. Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng tài chính cá nhân từ tháng 02 năm 2010.

15. Bà Tô Thùy Trang

Giám đốc Khối Marketing

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM và giữ chức vụ Giám đốc ngành hàng khu vực Asean, Kao Consumer Product Đông Nam Á. Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Marketing từ tháng 11 năm 2009.





TECHCOMBANK



Tiềm lực dồi dào, Chúng tôi thực hiện
Những điều cam kết

MANG ĐẾN NHỮNG THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

Kỳ công vun đắp và trân trọng những lời cam kết, Techcombank luôn nỗ lực giữ vững niềm tin với khách hàng, cổ đông và nhân viên. Là một trong những Ngân hàng TMCP có tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam, chúng tôi tự hào khi mang đến thành công cho mọi người.





10

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2010

Trong một năm với rất nhiều thách thức, khó khăn đến từ cả bên trong lẫn bên ngoài Ngân hàng, trong đó phải kể đến chương trình chuyển đổi toàn diện trên toàn hệ thống Techcombank cũng như những dư âm của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, Techcombank một lần nữa khẳng định và thể hiện bản lĩnh của mình bằng việc đứng vững trước những khó khăn, thách thức và hơn thế nữa, còn vươn lên phát triển một cách mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động với những thành quả nổi bật.

THÀNH QUẢ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu trong nhóm các ngân hàng TMCP về hiệu quả kinh doanh xét trên chỉ số ROA (1,9%) và ROE (24,9%).
2. Bứt lên vị trí thứ 2 trong nhóm các ngân hàng TMCP về tổng tài sản: tính tới 31/12/2010.

THÀNH QUẢ GIÚP TẠO THỂ VÀ LỰC CHO BỨT PHÁ

3. **Tăng vốn điều lệ:** vào tháng 06/2010, Techcombank tiến hành tăng hơn 1.500 tỷ vốn điều lệ từ 5.400 tỷ lên 6.932 tỷ VND. Đây là khoản lợi nhuận để lại của năm 2009 nằm trong phương án tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. **Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành công:** ngày 28/12/2010, Techcombank đã phát hành thành công 30 triệu trái phiếu chuyển đổi, tương đương 3000 tỷ VND. Thành công này có ý nghĩa quan trọng, khẳng định sự tin tưởng, đánh giá cao của các cổ đông đối với chiến lược phát triển kinh doanh của Techcombank giai đoạn 2010-2015. Việc phát hành trái phiếu cũng đã giúp tăng tỷ lệ an toàn vốn, nằm trong chiến lược phát triển lâu dài của Ngân hàng.
5. **Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên nghiệp và đạt tiêu chuẩn quốc tế:** đây là sự kiện có ảnh hưởng sâu rộng nhất tới cả hệ thống Ngân hàng trong năm 2010, tiếp nối quá trình tái cơ cấu tổ chức được khởi động từ giữa năm 2009, ở đó các khối chuyên trách được thành lập theo chức năng và nhiệm vụ riêng biệt theo mô hình của các ngân hàng hiện đại trên thế giới. Điểm khác biệt nổi bật là đơn vị bán hàng và kênh phân phối của Techcombank đã được tách ra và hoạt động độc lập với các khối hỗ trợ và khối kinh doanh, nhằm nâng cao khả năng tiếp cận, nắm bắt và phục vụ tốt hơn các nhu cầu về dịch vụ tài chính ngân hàng của từng nhóm khách hàng. Với việc là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên áp dụng mô hình này, Techcombank đã khẳng định quyết tâm chuyên nghiệp hóa.

Tháng 06/2010, Techcombank tiến hành tăng hơn 1.500 tỷ đồng vốn điều lệ từ 5.400 tỷ đồng lên 6.932 tỷ đồng.

6.932 tỷ đồng

Tính tới 31/12/2010, Techcombank đã mở mới được 94 chi nhánh trên toàn quốc, đưa tổng số chi nhánh lên 282 với trên 1000 ATM, giúp mang lại dịch vụ có mức độ tiện dụng cao cho khách hàng.

Hoàn tất giai đoạn 1 chương trình chuyển đổi chiến lược ngân hàng mang tên TECHCOMONE với sự hỗ trợ và tư vấn của công ty tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey.

282
Chi nhánh
với trên 1000 ATM

- 6. Chiến lược nhân sự được hoàn thiện và triển khai trên toàn hệ thống:** Chính sách về đào tạo, chương trình Những nhà lãnh đạo tương lai cùng các quy trình đánh giá, khen thưởng, chính sách đãi ngộ và phát triển nhân tài được chính thức ban hành..., nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh, ổn định và chuyên môn cao.
- 7. Đầu tư công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất công việc và mang lại dịch vụ khác biệt cho khách hàng trong năm 2010:**
 - Tiến hành nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi (core banking) lên phiên bản mới nhất T24R10 mở ra khả năng kết nối với các ứng dụng mới nhằm đáp ứng tốt hơn những yêu cầu nghiệp vụ, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại đồng thời hỗ trợ nền tảng cho việc thiết kế và giới thiệu các sản phẩm giàu tính công nghệ đáp ứng mọi nhu cầu từ đơn giản tới phức tạp của khách hàng.
 - Đầu tư vào giải pháp tự động hóa quy trình xử lý và thẩm định hồ sơ tín dụng cho khách hàng (LOS – Loan Origination System) do công ty hàng đầu về các giải pháp IT – Exeprian cung cấp. Với việc đầu tư và triển khai hệ thống LOS, Ngân hàng sẽ cung cấp tới khách hàng dịch vụ tín dụng ngân hàng chuyên nghiệp và nhanh gọn tương đương với tiêu chuẩn của các ngân hàng quốc tế.
- 8. Phát triển mạng lưới rộng khắp và mạnh mẽ:** Tính tới 31/12/2010, Techcombank đã mở mới được 94 chi nhánh trên toàn quốc, đưa tổng số chi nhánh lên 282 với trên 1000 ATM, giúp mang lại dịch vụ có mức độ tiện dụng cao cho khách hàng.
- 9. Hoàn tất giai đoạn 1 chương trình chuyển đổi chiến lược Ngân hàng mang tên TECHCOMONE** với sự hỗ trợ và tư vấn của công ty tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey. Kết quả nổi bật trong giai đoạn này chính là việc đã hoàn tất và cụ thể hóa 3 chiến lược kinh doanh trọng tâm trong chiến lược tổng thể hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng tốt nhất và Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, đó là chiến lược của khối khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; khối dịch vụ tài chính cá nhân; và khối dịch vụ ngân hàng giao dịch.



10. GIẢI THƯỞNG
“NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2010”
(BEST BANK IN VIETNAM 2010)

Do tạp chí chuyên ngành tài chính hàng đầu Euromoney trao tặng dựa trên đánh giá về năng lực lãnh đạo, chất lượng và hiệu quả hoạt động.



Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010

TẠP CHÍ EUROMONEY

Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010” (Best Bank in Vietnam 2010) - do tạp chí Euromoney trao tặng – đánh giá năng lực lãnh đạo, chất lượng hoạt động cũng như lợi nhuận đạt được của Ngân hàng.

Thương hiệu Việt Nam được yêu thích nhất năm 2010

BÁO SÀI GÒN GIẢI PHÓNG TRAO TẶNG

Giải thưởng “Thương hiệu Việt được yêu thích nhất năm 2010” do báo Sài Gòn giải phóng trao tặng.



Dịch vụ thanh toán quốc tế tốt nhất

CITI, WACHOVIA BANK & THE BANK OF NEW YORK

Giải thưởng Ngân hàng xuất sắc trong hoạt động thanh toán quốc tế 2010 do các Ngân hàng lớn như Citibank, Wachovia bank và Bank of New York trao tặng.

Ngôi sao quốc tế dẫn đầu về quản lý chất lượng 2010

BID - BUSINESS INITIATIVE DIRECTIONS

Giải thưởng “Ngôi sao quốc tế dẫn đầu về quản lý chất lượng 2010” (International Star for leadership in Quality Award) do BID – Tổ chức Sáng kiến Doanh Nghiệp quốc tế bình chọn và trao tặng dựa trên các đánh giá về khả năng lãnh đạo, tốc độ cải tiến chất lượng và công nghệ, sự hài lòng của khách hàng và mối quan hệ với nội bộ, nhà cung cấp và các bên liên quan.



Thương hiệu quốc gia 2010

BỘ CÔNG THƯƠNG

Danh vị “Thương hiệu quốc gia 2010” do Bộ Công Thương trao tặng cho top 43 doanh nghiệp có mức tăng trưởng và khả năng cạnh tranh cao.

Ngân hàng tài trợ nhập khẩu năng động nhất khu vực Đông Á

IFC - INTERNATIONAL FINANCE CORPORATION

Giải thưởng “Ngân hàng tài trợ năng động nhất khu vực Đông Á” do IFC – thành viên của Ngân hàng thế giới trao tặng”.



Sao Vàng Đất Việt

HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TRẺ

Giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” do hiệp hội doanh nghiệp trẻ trao tặng dựa trên các tiêu chí: năng lực cạnh tranh của các sản phẩm mang thương hiệu và qui mô thị trường, Qui trình quản lý chất lượng, công tác quản lý và phát triển thương hiệu và công nghệ và môi trường phù hợp với các yêu cầu trong nước và quốc tế.

Vnr500-Top 500 Doanh Nghiệp Lớn Nhất Việt Nam

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Báo Điện tử Vietnamnet, công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Nhóm Phân tích Hà Nội – Boston đồng nghiên cứu và công bố.





Đánh Giá Hoạt Động Năm 2010

Năm 2010 là một năm khá khó khăn cho ngành ngân hàng ở Việt Nam.

Tuy nền kinh tế trong nước hồi phục tốt với mức phát triển GDP đáng khích lệ là 6,7% nhưng tình trạng thâm hụt thương mại và lạm phát cao đã buộc Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải tìm chế phát triển tín dụng.

Các chính sách siết chặt quản lý nhằm ổn định thị trường tiền tệ trong nước như việc đóng cửa sàn giao dịch vàng, thắt chặt yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn và tỷ lệ cho vay, việc thông qua luật các tổ chức tín dụng sửa đổi đã buộc các ngân hàng xem xét lại và điều chỉnh hoạt động một cách an toàn nhưng nhiều thách thức hơn.

Đối với Techcombank, năm 2010 là một năm quyết định khi mà Ngân hàng bước vào giai đoạn quan trọng trong chương trình chuyển đổi được McKinsey tư vấn nhằm trở thành Ngân hàng tốt nhất và Doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam vào năm 2014.

Trong năm 2010, mặc dù môi trường tài chính không ổn định và gặp phải khó khăn tất yếu trong giai đoạn chuyển đổi nhưng Techcombank đã kinh doanh hiệu quả và đạt được hầu hết các mục tiêu kinh doanh của mình và hoàn thành việc xác lập lại các chiến lược Ngân hàng, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức cũng như cải tiến chính sách/quy trình hoạt động.

Dự đoán năm 2011 sẽ là năm đầy thách thức nhưng Techcombank hiện nay đã có vị thế vững chắc để tiếp tục phát triển dựa trên các nguồn thu nhập đa dạng và mối quan hệ hợp tác chiến lược với HSBC.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tính đến ngày 31/12/2010, vốn chủ sở hữu của các cổ đông Techcombank đạt 9.389 tỷ đồng, tăng 28,2% so với năm trước. Vốn cổ phần đã tăng từ 5.400 tỷ đồng lên 6.932 tỷ đồng vào tháng 06/2010 khi Techcombank quyết định bổ sung 1.532 tỷ đồng từ quỹ dự trữ để bổ sung vốn.

Ngoài việc tăng vốn chủ sở hữu, việc phát hành thành công 3.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi vào tháng

12/2010 đã củng cố thêm sức mạnh tài chính của Ngân hàng. Do đó, đến cuối năm 2010, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của Techcombank đã vượt mức yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, đạt 13,1% so với mức 9,6% vào cuối năm 2009.

HUY ĐỘNG

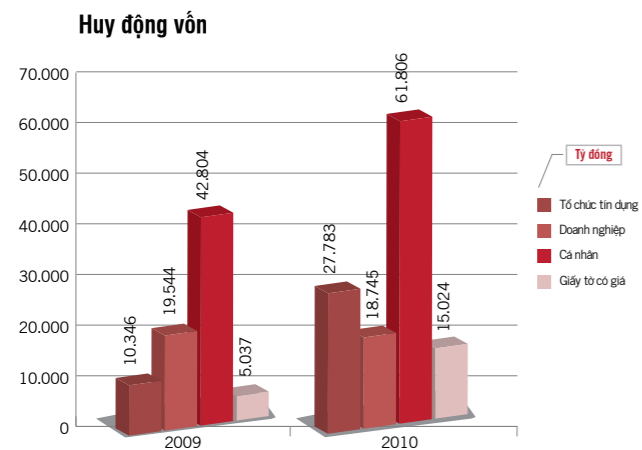
Techcombank tiếp tục mở rộng và đảm bảo có nền tảng vốn mạnh vào năm 2010. Huy động từ khách hàng đến ngày 31/12/2010 đạt 80.551 tỷ đồng, chiếm 53,6% tổng tài sản trên bảng cân đối, tương đương với mức tăng 29,2% so với mức 62.374 tỷ đồng năm trước. Tăng trưởng huy động đã giúp Techcombank củng cố tính thanh khoản, tỷ lệ cho vay/huy động ở mức 65,7%, phù hợp với chính sách thận trọng của Ngân hàng nhằm duy trì tỷ lệ này ở khoảng 65-70%.

Việc gia tăng huy động từ khách hàng chủ yếu là vì Techcombank đã thành công trong việc huy động từ khách hàng cá nhân. Tính đến ngày 31/12/2010, tổng huy động bán lẻ của Ngân hàng đạt mức 61.806 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 44,4% so với cuối năm 2009. Việc mở rộng mạng lưới của Techcombank, các chiến dịch huy động cạnh tranh, và liên tục cải tiến dịch vụ khách hàng là các nhân tố chính thúc đẩy sự phát triển này.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NĂM 2010 (tiếp theo)

Đến cuối năm 2010, tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng tăng mạnh với tỷ lệ 168,5% so với năm trước, lên mức 27.783 tỷ đồng và là một nguồn huy động quan trọng cho Ngân hàng, trong đó 1.745 tỷ đồng (quy đổi) là vốn vay dài hạn từ các tổ chức quốc tế.

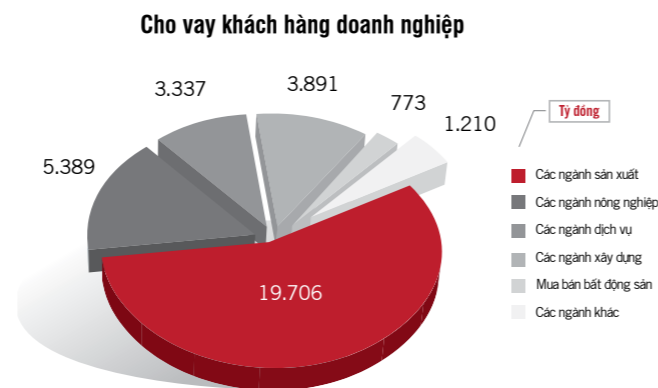
Vốn thu được từ việc phát hành giấy tờ có giá cũng tăng mạnh ở mức 198,3%, từ 5.036 tỷ đồng lên 15.024 tỷ đồng, bao gồm 5.251 tỷ đồng có kỳ hạn từ 5 năm trở lên và 7.404 tỷ đồng có kỳ hạn từ 12 tháng đến 5 năm.



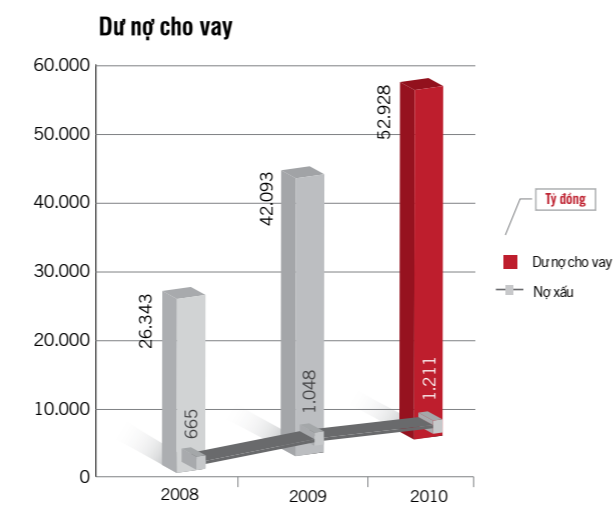
TÍN DỤNG

Thực hiện chủ trương của Chính phủ là duy trì tỷ lệ tăng trưởng tín dụng thấp của toàn ngành Ngân hàng, Techcombank đã cắt giảm tỷ lệ tăng trưởng cho vay từ mức 59,8% của năm trước xuống 25,7%. Tính đến ngày 31/12/2010, tổng cho vay và ứng trước cho khách hàng đạt 52.928 tỷ đồng, trong đó 56,8% là ngắn hạn. Cho vay bán lẻ tăng cao nhất ở mức 63,3% lên 18.397 tỷ đồng so với năm trước, trong đó cho vay mua nhà tăng 155,0% so với cùng kỳ năm trước lên 12.196 tỷ đồng.

Cho vay SME tăng 26,7% lên 31.256 tỷ đồng so với năm trước trong khi cho vay doanh nghiệp lớn giảm 50,6% xuống 3.051 tỷ đồng. Trong số tất cả các khách hàng doanh nghiệp, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vay nhiều nhất để phục vụ nhu cầu mở rộng sản xuất. Dư nợ cho vay cho mảng này chiếm 57,1% tổng cho vay đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp.



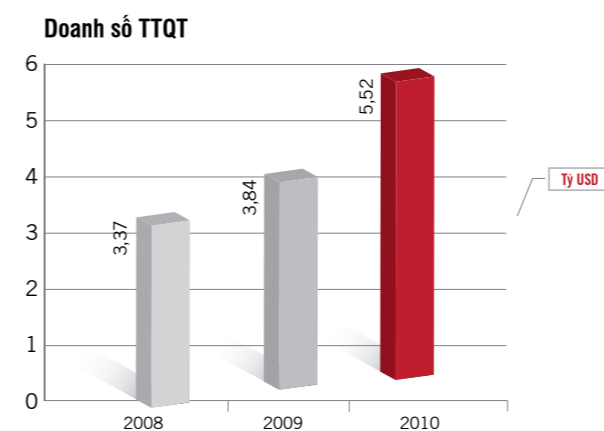
Trong khi chủ động giảm tăng trưởng tín dụng, Techcombank đã giám sát chặt chẽ nợ xấu và giảm thành công tỷ lệ nợ xấu từ 2,49% xuống 2,29% vào cuối năm 2010. Hầu hết các khoản nợ xấu là trong mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ.



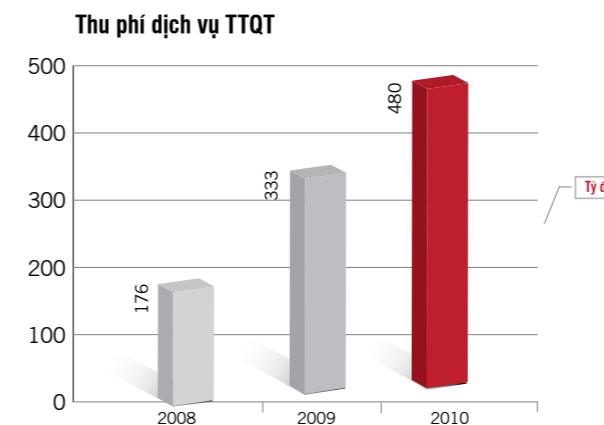
Đến cuối năm 2010, dự phòng rủi ro tín dụng tăng 19,3%, từ 512 tỷ đồng năm trước lên 611 tỷ đồng, do đó, tỷ lệ nợ xấu thuần giảm xuống chỉ còn 1,13%. Hơn nữa, đây đều là các khoản vay có đảm bảo nên Ngân hàng lạc quan tin tưởng vào tỷ lệ thu hồi nợ cao.

THANH TOÁN QUỐC TẾ

Năm 2010, Ngân hàng vẫn tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu về tài trợ thương mại trong nhóm các ngân hàng cổ phần tại Việt Nam. Đặc biệt, tổng doanh số thanh toán quốc tế của Ngân hàng trong năm 2010 tăng lên tương đương 5,52 tỷ USD, thể hiện một mức tăng mạnh mẽ 43,9% so với 3,84 tỷ USD trong năm 2009.

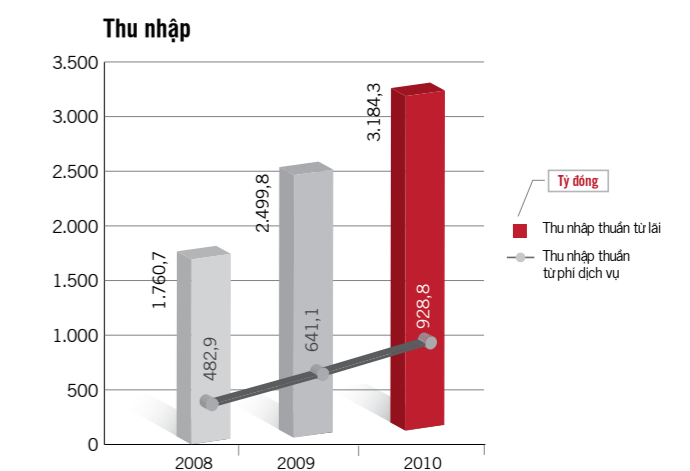


Sự gia tăng về doanh số thanh toán quốc tế chủ yếu là do Ngân hàng đã tập trung phát triển các sản phẩm và dịch vụ thu phí. Trong năm vừa qua, Techcombank đã tăng cường hợp tác với các đối tác trong mạng lưới đại lý rộng lớn của mình để cải thiện tính đa dạng dịch vụ và củng cố cơ sở cấp vốn. Nhờ đó, tổng doanh thu phí của toàn hệ thống trong lĩnh vực thanh toán quốc tế năm 2010 đạt 480 tỷ đồng, tăng 44,1% so với năm trước.



KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2010, Techcombank đạt tổng doanh thu thuần 4.719 tỷ đồng, tăng 20,5% so với năm trước. Trong số này, thu nhập lãi ròng tăng 27,3% lên mức 3.184 tỷ đồng. Đáng khích lệ nhất là thu nhập thuần từ phí tăng 45,0%, đạt khoảng 930 tỷ đồng. Trong đó thu nhập từ phí bảo lãnh gần như tăng gấp đôi mức thu nhập của năm 2009 lên khoảng 160 tỷ đồng.



Tuy nhiên, do biến động tỷ giá hối đoái, do chính sách quản lý thắt chặt của Nhà nước đối với kinh doanh vàng và sự suy giảm mạnh của thị trường chứng khoán, doanh thu thuần từ kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán để kinh doanh của Techcombank năm 2010 giảm đáng kể, thu nhập thuần từ đầu tư chứng khoán cũng thấp hơn nhiều so với năm 2009. Nhưng những sụt giảm đó đã được bù đắp bằng thu nhập từ đầu tư vào những đơn vị khác và các loại thu nhập thuần khác, cả hai loại thu nhập này gần như tăng gấp ba trong năm 2010.

Chi phí vận hành của Techcombank trong năm 2010 tăng lên 1.588 tỷ đồng, so với 1.184 tỷ đồng trong năm 2009. Tỷ lệ tăng 34,1% chủ yếu là do việc mở rộng mạng lưới chi nhánh và tăng cường đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng. Chi phí thuê văn phòng và tài sản, chi phí công cụ và thiết bị, bảo trì và sửa chữa tài sản tăng 63,3% lên 459 tỷ đồng, trong khi chi phí nhân sự cũng tăng 27,0% lên khoảng 755 tỷ đồng.



Năm 2010, Techcombank đã nâng tổng doanh thu thuần lên 4.719 tỷ đồng, tăng 20,5% so với năm trước.

Tổng hợp từ các nguồn thu nhập và chi phí Ngân hàng đã đạt mức lợi nhuận trước thuế 2.744 tỷ đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, tăng 21,8% so với năm trước.

Tỷ lệ chi phí/thu nhập của Ngân hàng trong năm 2010 được giữ ở mức 35%. Các chỉ số lợi nhuận khác ROE và ROA trong năm 2010 Techcombank vẫn duy trì được vị thế trong nhóm ngân hàng dẫn đầu lần lượt là 24,9% và 1,9%.

HỢP TÁC VỚI CÁC THỂ CHẾ TÀI CHÍNH ĐA PHƯƠNG QUỐC TẾ

Một trong những mục tiêu của Techcombank là hợp tác với các thể chế tài chính đa phương quốc tế, không chỉ với mục đích huy động vốn và giảm sự lệch kỳ hạn cho Ngân hàng mà còn để hỗ trợ một số ngành công nghiệp theo chương trình của Chính phủ Việt Nam. Hiện nay, chúng tôi đang duy trì mối quan hệ với các thể chế tài chính đa phương quốc tế như WB, IFC, ADB, JICA, FMO, Proparco, SECO,...

Tháng 05/2010, IFC (một thành viên của Ngân hàng Thế giới) và Techcombank đã ký kết thỏa thuận thành lập Quỹ tài trợ Dự án Hiệu quả năng lượng với tổng giá trị 50 triệu USD. IFC đã tài trợ 24 triệu USD, cộng với 1 triệu USD từ Quỹ Trái đất Toàn cầu của tổ chức này, còn Techcombank cam kết đóng góp phần còn lại của quỹ. Quỹ này nhằm mục đích cung cấp nguồn vốn trung và dài hạn để hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam thay thế các thiết bị không hiệu quả và nâng cấp công nghệ để tăng năng suất sử dụng năng lượng, và cắt giảm tỷ lệ chi phí/lượng khí thải.

Bên cạnh đó, tháng 07/2010, Techcombank đã được Bộ Công Thương lựa chọn là một trong năm Ngân hàng tham gia vào Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo. Dự án có thời hạn 20 năm nhằm mục đích tăng cường lượng cung điện với chi phí thấp nhất cho vùng nông thôn bằng cách cung cấp một hạn mức tín dụng cho các Ngân hàng thương mại để tái tài trợ các khoản vay cho các dự án năng lượng tái tạo đủ điều kiện. Chi phí của dự án ước tính là 230 triệu USD, trong đó 152 triệu USD sẽ được tài trợ từ các nguồn của Ngân hàng Thế giới (từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế).

Tháng 12/2010, Techcombank đã ký kết thành công hợp đồng vay vốn dài hạn thứ 2 với Proparco trị giá 15 triệu USD. Số tiền này sẽ được Techcombank sử dụng cho việc tài trợ cho các khách hàng vừa và nhỏ đủ điều kiện tại Việt Nam.

Các hợp đồng vay vốn trung và dài hạn với các thể chế tài chính đa phương quốc tế khác cũng tiếp tục được thực hiện một cách hiệu quả trong năm vừa qua.

Tháng 05/2010, IFC (thành viên của Ngân hàng Thế giới) và Techcombank đã ký kết thỏa thuận thành lập quỹ tài trợ dự án hiệu quả năng lượng với tổng giá trị 50 triệu USD.

Tháng 12/2010, Techcombank đã ký kết thành công hợp đồng dài hạn thứ 2 với Proparco nhằm cung cấp một cơ cấu tín dụng trị giá 15 triệu USD.

15 triệu USD



Techcombank tiếp tục triển khai mạnh mẽ các sản phẩm tín dụng giành cho khách hàng vay nhỏ có đủ điều kiện tại Việt Nam.



“Định hướng chiến lược của Techcombank trên thị trường bán lẻ là trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam trong phân khúc khách hàng trung, cao cấp.”

Khối dịch vụ tài chính cá nhân

Với định hướng chiến lược trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, năm 2010, Techcombank tập trung hoàn thiện nền tảng hoạt động của mảng dịch vụ tài chính cá nhân (TCCN) với sự hình thành chuyên biệt và rõ nét về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, trung tâm, nhằm nắm bắt các cơ hội kinh doanh và phục vụ tốt nhất nhu cầu của các khách hàng.

Năm 2010, có thêm 500.000 khách hàng cá nhân lựa chọn sử dụng dịch vụ Ngân hàng, nâng số lượng khách hàng cá nhân lên 1,3 triệu người là một dấu mốc quan trọng trong định hướng phát triển Ngân hàng bán lẻ của Techcombank.

2010: GẮN KẾT KHÁCH HÀNG

Techcombank đã xây dựng Khối dịch vụ TCCN trên cơ sở hai mảng hoạt động vừa chuyên biệt, vừa gắn kết với nhau. Đó là mảng phát triển sản phẩm và mảng phát triển kinh doanh. Việc phân khúc này nhằm định hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động nghiên cứu, xây dựng sản phẩm với công tác kinh doanh. Đồng thời, cũng tạo điều kiện để hai mảng hoạt động hỗ trợ công việc của nhau, từ đó mang lại cho khách hàng các dịch vụ, sản phẩm tốt nhất.

Từ một cơ cấu hoạt động khoa học, các nhóm công việc lớn nhằm tăng cường khả năng phục vụ các khách hàng cá nhân đã được Techcombank triển khai trong năm 2010 là:

➤ Định vị giá trị dịch vụ TCCN

- Với định hướng tập trung vào phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình khá (Mass affluent) trở lên, hai yếu tố được xác định nhằm mở rộng số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ và tăng cường sự gắn kết với Ngân hàng chính là Thuận tiện và Dịch vụ.

Dịch vụ tài chính cá nhân - Techcombank

Thuận tiện	Chất lượng dịch vụ
<ul style="list-style-type: none"> Mạng lưới chi nhánh, ATM rộng khắp và thuận tiện. Đảm bảo điểm giao dịch có mặt trong phạm vi bán kính 1km tại những khu vực kinh doanh trọng điểm. Chức năng thực hiện giao dịch và phân phối trên tất cả các kênh. Dịch vụ tận nơi cho khách hàng Priority 	<ul style="list-style-type: none"> Tối ưu hóa quy trình, thủ tục nhằm mang lại sự đơn giản - nhanh gọn cho khách hàng khi mở tài khoản, gửi tiết kiệm, vay cá nhân. Đa dạng hóa kênh dịch vụ, dễ sử dụng và phục vụ liên tục 24/7: Internet banking, Mobile banking, 24/7 Call Center... Chuyên biệt hóa hệ thống kênh phân phối. Các giá trị gia tăng dành cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Techcombank.

➤ Xây dựng mô hình dịch vụ cho từng phân khúc khách hàng

Dựa trên kết quả nghiên cứu về các giai đoạn phát triển của thị trường và nhu cầu khách hàng, Techcombank phân khúc khách hàng cá nhân thành hai nhóm khách hàng cao cấp (Affluent) và khách hàng cấp trung (Mass Affluent) có mô hình phục vụ khác nhau:

Khách hàng cao cấp	Khách hàng cấp trung
Khách hàng cao cấp Dịch vụ ưu tiên - Priority Banking <ul style="list-style-type: none"> Các dịch vụ chuyên biệt, mọi lúc mọi nơi, được phục vụ bởi đội ngũ chuyên viên quan hệ khách hàng cao cấp. Các ưu đãi xứng tầm và các giá trị gia tăng phù hợp với nhu cầu của khách hàng. 	Khách hàng cấp trung Dịch vụ dễ tiếp cận <ul style="list-style-type: none"> Sự tiện lợi về mạng lưới và các kênh giao dịch. Dịch vụ tốt, chuyên nghiệp với các thủ tục đơn giản, nhanh gọn. Sản phẩm, dịch vụ đa dạng, gần gũi, dễ hiểu, dễ sử dụng và phù hợp với nhu cầu khách hàng.

Định hướng chiến lược bài bản trên toàn hệ thống cùng với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, thân thiện đã mang lại những thành tựu đáng kể trong mảng dịch vụ TCCN của Techcombank trong năm 2010.

Đa dạng hóa kênh dịch vụ, dễ sử dụng và phục vụ liên tục 24/7 như: Internet banking, Mobile banking, 24/7 Center.

24/7





Theo khảo sát thị trường của Techcombank vào cuối năm 2010, tỷ lệ khách hàng sẵn sàng giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ của Techcombank cho bạn bè, người thân của mình đạt mức cao.

► **Kiến toàn các hoạt động kinh doanh cốt lõi**

Năm qua, Techcombank đã đánh giá và xây dựng lại những quy trình cơ bản để áp dụng cho danh mục sản phẩm tài chính cá nhân chính như tiền gửi, cho vay, thẻ, dịch vụ Ngân hàng trực tuyến. Việc hoàn thiện quy trình thực hiện, tiêu chuẩn và mục tiêu sản phẩm rõ ràng là tiền đề quan trọng để Ngân hàng có thể phát triển các sản phẩm, dịch vụ TCCN một cách chuyên nghiệp trong năm 2011.

Định hướng chiến lược bài bản trên toàn hệ thống cùng với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, thân thiện đã mang lại những thành tựu đáng kể trong mảng dịch vụ TCCN của Techcombank trong năm 2010.

THÀNH TỰU NĂM 2010

► **Cơ sở khách hàng nhanh chóng phát triển**

Tính đến cuối năm 2010, Techcombank đã tăng thêm 41% trên tổng số khách hàng tài chính cá nhân và 59% trên số lượng tài khoản thanh toán so với năm 2009. Đây là yếu tố then chốt giúp Ngân hàng đạt mức tăng trưởng huy động dân cư 47%, đóng góp 73% vào tổng huy động tiền gửi. Dư nợ khối khách hàng cá nhân tăng 63,3% so với năm 2009, trong đó phần lớn tăng trưởng từ các sản phẩm cho vay có tài sản đảm bảo, nâng cao chất lượng các khoản vay bán lẻ.

► **Sự hài lòng của khách hàng với các dịch vụ của Ngân hàng**

Theo khảo sát thị trường của Techcombank vào cuối năm 2010, sự hài lòng của khách hàng được thể hiện rất rõ qua các thông số số lượng dịch vụ trên một khách hàng; mức độ giao dịch thường xuyên của các khách hàng, tỷ lệ hài lòng và cân nhắc sử dụng sản phẩm Techcombank được đánh giá cao so với các Ngân hàng TMCP khác; tỷ lệ khách hàng sẵn sàng giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ của Techcombank cho bạn bè, người thân của mình đạt mức cao...

Độ nhận biết thương hiệu và tỷ lệ sử dụng thương hiệu ở mức cao tại miền Bắc, đồng thời được cải thiện đáng kể tại miền Nam. Giá trị thương hiệu được nâng cao và Techcombank luôn được nghĩ đến như một Ngân hàng năng động, sáng tạo, thân thiện.

2011 - BỨT PHÁ MẠNH MỀ

Định hướng chiến lược giai đoạn 2010-2014 trong việc phát triển khối khách hàng cá nhân là rất rõ ràng với mục tiêu đưa Techcombank trở thành Ngân hàng TMCP số 1 tại thị trường bán lẻ Việt Nam trong phân khúc khách hàng trung - cao cấp và Ngân hàng nội địa số 1 trong phân khúc khách hàng cao cấp.

Các giải pháp triển khai trong năm 2011 tập trung vào 4 điểm cốt lõi:

- Phát triển dịch vụ Priority banking.
- Cải tiến và đa dạng hóa các gói sản phẩm.
- Phát triển mạng lưới, kênh phân phối.
- Xây dựng hình ảnh ngân hàng bán lẻ "THUẬN TIỆN" và chất lượng "DỊCH VỤ" tới khách hàng. Tập trung vào các thị trường trọng điểm và các phân khúc trọng yếu nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu, mang lại sự hài lòng tối đa cho khách hàng.

► **Phát triển Dịch vụ Priority Banking**

Chính thức tái tung Priority Banking ra thị trường với định vị dịch vụ và bộ nhận diện thương hiệu mới. Xây dựng dịch vụ Priority của Techcombank với tiêu chuẩn một dịch vụ xứng tầm, mang lại sự thuận tiện và hiệu quả tối đa cho khách hàng, giúp khách hàng dành thời gian cho gia đình và những đam mê trong cuộc sống.

Techcombank đặt mục tiêu tăng hơn 50% số lượng khách hàng Priority so với năm 2010. Đồng thời, tăng cường đội ngũ chuyên viên khách hàng cao cấp (RM), nâng cao nghiệp vụ bán hàng và phục vụ khách hàng của các RM.

► **Cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm**

- **Sản phẩm huy động:** Các sản phẩm Tiết kiệm và Tài khoản thanh toán với các tính năng linh hoạt, vượt trội, các giá trị gia tăng phù hợp với nhu cầu của khách hàng trong từng giai đoạn cuộc sống đang được nghiên cứu và chuẩn bị giới thiệu ra thị trường. Sản phẩm trả lương là hướng đi chính được đầu tư để tăng lượng khách hàng cơ bản và tạo cơ sở khách hàng cho các hoạt động bán chéo những sản phẩm dịch vụ khác.
- **Sản phẩm cho vay:** Tập trung vào các sản phẩm cho vay có tài sản đảm bảo, trong đó hướng chủ yếu vào các nhóm sản phẩm chính sau: Cho vay thế chấp/Vay tiêu dùng thế chấp bất động sản; Vay mua ô tô; Các sản phẩm cho vay bảo đảm khác. Chọn lọc đối với các sản phẩm cho vay không có tài sản bảo đảm và thẻ tín dụng, chỉ tập trung vào nhóm khách hàng cao cấp trên thị trường và chọn lọc trên cơ sở khách hàng hiện tại.

Độ nhận biết thương hiệu và tỷ lệ sử dụng thương hiệu ở mức cao tại miền Bắc, đồng thời được cải thiện đáng kể tại miền Nam. Giá trị thương hiệu được nâng cao và Techcombank luôn được nghĩ đến như một Ngân hàng năng động, sáng tạo và thân thiện.

Techcombank đặt mục tiêu tăng hơn 50% số lượng khách hàng Priority so với năm 2010.

50%





- **Đẩy mạnh các dịch vụ thu phí:** Phát triển các sản phẩm bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền cạnh tranh, nhằm tăng mức đóng góp từ các loại phí với mục tiêu tăng tỷ trọng doanh thu từ phí trong cơ cấu doanh thu của các dịch vụ TCCN.
- **Sản phẩm tư vấn đầu tư:** Phát triển hình thức bán bảo hiểm qua Ngân hàng (bancassurance) và những sản phẩm tài chính cấu trúc để tăng cường quan hệ khách hàng, đặc biệt với phân khúc khách hàng cao cấp.

▶ Phát triển mạng lưới phân phối và nâng cao quản lý bán hàng

Ngoài hệ thống Chi nhánh và ATM sẽ phát triển mạnh theo chiến lược tới năm 2014, Techcombank sẽ tập trung phát triển các giải pháp kênh phân phối điện tử (e-channels), thương mại điện tử (e-commerce) để khách hàng có những trải nghiệm thực tế về dịch vụ thuận tiện và khác biệt của Ngân hàng.

Đồng thời, mô hình quản lý bán hàng trong mảng dịch vụ TCCN sẽ tiếp tục được chuẩn hóa trên toàn hệ thống, mở rộng các đại lý bán cho cả kênh bán trực tiếp và telesales, xây dựng cơ chế khuyến khích bán hiệu quả và cạnh tranh nhất.

▶ Tăng cường hoạt động truyền thông và marketing dài hạn

- Triển khai các hoạt động truyền thông nhằm định vị dịch vụ tài chính cá nhân của Techcombank - “Thuận tiện & Dịch vụ”, thể hiện qua sự thuận tiện của mạng lưới, kênh giao dịch, sự đơn giản - nhanh chóng - an toàn khi sử dụng dịch vụ; đa dạng sản phẩm với nhiều lợi ích gia tăng.
- Xây dựng và triển khai chương trình khách hàng thân thiết dài hạn để đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, thể hiện chất lượng dịch vụ vượt trội của Techcombank.
- Làm mới các thông điệp và hình ảnh truyền thông cho các sản phẩm dịch vụ tài chính cá nhân phù hợp với định vị giá trị mới để đảm bảo tính đồng bộ và thân thiện.

Xây dựng và triển khai chương trình khách hàng thân thiết dài hạn để đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, thể hiện chất lượng dịch vụ vượt trội của Techcombank.



“Techcombank tự hào phục vụ gần 10% doanh nghiệp tại Việt Nam.”

Khối khách hàng doanh nghiệp

Tính đến cuối năm 2010, tại Việt Nam có trên 500.000 doanh nghiệp đang hoạt động gồm các nhóm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Phân loại theo quy mô thì cộng đồng doanh nghiệp được chia làm 4 nhóm: Doanh nghiệp lớn (Big), Doanh nghiệp vừa (MME), Doanh nghiệp nhỏ (SME) và Doanh nghiệp siêu nhỏ (MSME).

Trong 4 phân khúc nói trên, doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm số lượng tuyệt đối và đang được coi là khối doanh nghiệp có tiềm năng phát triển mạnh nhất, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Theo thống kê thời điểm cuối năm 2010, tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tới 98% tổng số doanh nghiệp với số vốn đăng ký lên đến gần 2.313.857 tỷ đồng (tương đương 121 tỷ USD), đóng góp hơn 40% GDP cả nước.

CHI TIẾT DỊCH VỤ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Cùng với sự tăng trưởng về quy mô của Ngân hàng và đội ngũ bán hàng, quy mô khách hàng doanh nghiệp của Techcombank đã tăng lên nhanh chóng qua các năm và có sự đột biến trong năm 2010.

Trong năm 2010, thực hiện chủ trương của Chính phủ, định hướng tín dụng của Techcombank trong mảng tín dụng tập trung chủ yếu vào nhóm ngành sản phẩm công nghiệp với dư nợ đạt 19.706 tỷ đồng.

19.706

tỷ đồng



Trên cơ sở đó, chiến lược khách hàng của Techcombank đã xác định, các doanh nghiệp vừa và nhỏ là khách hàng chủ yếu, các khách hàng doanh nghiệp lớn là những thách thức cần chinh phục và là dấu mốc để chứng minh năng lực cũng như uy tín của Ngân hàng trên thị trường.

Với sự tư vấn của McKinsey, cuối năm 2009, Techcombank đã thành lập các Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), Khối dịch vụ Khách hàng doanh nghiệp lớn nhằm chuyên biệt hóa hoạt động dịch vụ Ngân hàng theo từng đối tượng khác nhau.

Bước đi đó đã tạo ra sức bật mạnh mẽ trong năm 2010, quy mô khách hàng doanh nghiệp của Techcombank tăng vọt, đạt 45.252 doanh nghiệp tính tới thời điểm 31/12/2010 so với con số 38.500 doanh nghiệp vào cuối năm 2009. Trong phân khúc khách hàng này, Techcombank hiện đang là Ngân hàng hàng đầu khi phục vụ khoảng 10% trong số các doanh nghiệp đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

Cùng với việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho từng khối, trong năm 2010 Techcombank đã tập trung hoàn thiện quy trình chuẩn phục vụ khách hàng. Cụ thể, đã tạo ra các lớp bán hàng, các kênh phân phối vừa chuyên biệt vừa có mối quan hệ hài hòa giữa các khâu, từ việc thiết kế sản phẩm, đến cung cấp thông tin phản hồi từ thị trường để điều chỉnh, xây dựng mới sản phẩm, dịch vụ, xây dựng các phương án kinh doanh phù hợp với điều kiện thị trường tại các vùng, miền khác nhau. Những yếu tố này đã giúp tạo ra một bước chuyển lớn trong hoạt động kinh doanh, đó là năng suất bán hàng của đội ngũ chuyên viên quan hệ khách hàng tăng gấp đôi so với đầu năm, tạo niềm tin cho Techcombank trong việc tiếp tục kinh doanh hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới.

Việc phát triển nhanh số lượng khách hàng doanh nghiệp là một thành công lớn của Techcombank trong năm 2010. Tuy nhiên, trong giai đoạn môi trường kinh doanh hậu khủng hoảng còn nhiều bất ổn, nếu công tác quản trị rủi ro, quy trình đánh giá khách hàng không được thực hiện chặt chẽ, các khoản cho vay doanh nghiệp tiềm ẩn nguy cơ trở thành nợ xấu rất cao. Do đó, năm qua, cùng với việc phát triển quy mô và nâng cấp dịch vụ khách hàng, công tác quản trị rủi ro đặc biệt được chú trọng. Các giải pháp cụ thể đã được thực hiện trong năm 2010 gồm: Nghiên cứu và đưa vào thử nghiệm thành công Mô hình đánh giá xếp hạng khách hàng doanh nghiệp một cách đồng bộ. Với mô hình này, các doanh nghiệp được xếp hạng với các tham số định tính bên cạnh các yếu tố định lượng trước đây, giúp cho việc đánh giá mức tín nhiệm của các doanh nghiệp chuẩn xác hơn. Điều này sẽ giúp công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Techcombank mang lại hiệu quả cao

Trên cơ sở nền tảng công nghệ hiện đại, Techcombank đã triển khai thành công quy trình luân chuyển hồ sơ tín dụng tự động từ chi nhánh đến chuyên gia phê duyệt (Enterprise Content Management). Đây là nhân tố quan trọng giúp xóa bỏ khoảng cách địa lý giữa nơi phát sinh hồ sơ và chuyên gia phê duyệt tại Hội sở, đồng thời giúp lưu trữ và quản lý hồ sơ tốt hơn, theo dõi cam kết chất lượng dịch vụ SLA (Services Level Agreement) một cách chuyên nghiệp, giúp cho thời gian phê duyệt tín dụng được rút ngắn, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Mô hình cảnh báo sớm (EWS - Early Warning System) đã được xây dựng hoàn thiện trong năm 2010 và đang được triển khai áp dụng là một công cụ hữu ích giúp Techcombank phát hiện sớm các khoản vay có rủi ro tiềm ẩn từ khi còn là nợ loại 1 để có biện pháp xử lý ngay, góp phần kiểm soát tốt chất lượng tín dụng cho Ngân hàng.
- Techcombank đã xây dựng thành công Báo cáo quản trị danh mục đầu tư (Portfolio Management Report). Báo cáo này giúp xác định hiệu quả hoạt động cũng như mức độ rủi ro của từng ngành kinh doanh trong thời điểm báo cáo, hoặc xu hướng biến động trong hiệu quả kinh doanh của từng ngành theo thời gian... Báo cáo cũng cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về mức độ dịch chuyển nhóm nợ của từng ngành, từng vùng địa lý... Đây chính là công cụ giúp cho các cán bộ quản lý của Ngân hàng luôn chủ động trong việc định hướng hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống và các bộ phận một cách thống nhất.

DẤU ẤN BỨT PHÁ

- Quy mô khách hàng vượt trội

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
Số lượng khách hàng	10.289	13.541	26.026	38.000	45.252

Cùng với sự tăng trưởng về quy mô của Ngân hàng và đội ngũ bán hàng, quy mô khách hàng doanh nghiệp của Techcombank đã tăng lên nhanh chóng qua các năm và có sự đột biến trong năm 2010. Điều này khẳng định sự lựa chọn đúng đắn của Techcombank trong việc xác định thị trường mục tiêu và xây dựng đội ngũ bán hàng, cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu dịch vụ Ngân hàng đa dạng của các doanh nghiệp Việt Nam.

- Đóng góp chủ yếu vào dư nợ cho vay

Lường trước những khó khăn chung của môi trường kinh tế vĩ mô, hoạt động tín dụng của Techcombank năm 2010 được xác định theo hướng giảm tốc độ tăng trưởng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ rủi ro. Mặc dù vậy, tín dụng doanh nghiệp vẫn tiếp tục giữ vai trò chủ đạo khi chiếm 65,10% tổng dư nợ toàn hệ thống.

Đặc biệt, cơ cấu dư nợ tại Ngân hàng được cân đối lại đúng trọng tâm hướng tới khách hàng doanh nghiệp SME. Khối doanh nghiệp SME năm 2010 đạt mức tăng trưởng dư nợ 27%, chiếm 91,1% dư nợ của mảng khách hàng doanh nghiệp. Tỷ trọng này trong năm 2009 là 79,92%.

Phân khúc khách hàng	2009	2010	Tăng trưởng
Tổng doanh nghiệp (tỷ đồng)	30.824	34.307	11%
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	24.653	31.256	27%
Doanh nghiệp lớn	6.172	3.051	-51%

Theo thống kê thời điểm cuối năm 2010, tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tới 98% tổng số doanh nghiệp với số vốn đăng ký lên đến gần 2.313.857 tỷ đồng, đóng góp hơn 40% GDP cả nước.

là số doanh nghiệp tính đến thời điểm 31/12/2010 mà Techcombank đang phục vụ.

45.252





Sự mở rộng quy mô khách hàng nhanh chóng cho phép Techcombank không chỉ khai thác các loại hình dịch vụ truyền thống là huy động, cho vay mà còn tăng mạnh doanh thu trong các lĩnh vực dịch vụ khác.

► Cơ cấu cho vay hợp lý

Với hệ thống mạng lưới rộng khắp trên cả nước, hoạt động Ngân hàng doanh nghiệp của Techcombank đã phủ sóng hầu hết ngành nghề sản xuất - kinh doanh trong nền kinh tế.

Trong năm 2010, thực hiện chủ trương của Chính phủ, định hướng tín dụng của Techcombank trong mảng tín dụng doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào nhóm ngành sản xuất công nghiệp với dư nợ đạt 19.706 tỷ đồng, chiếm 57,44% dư nợ doanh nghiệp của Ngân hàng, tiếp theo là các ngành nông lâm thủy sản, dịch vụ...

Cho vay doanh nghiệp	Số dư	Tỷ trọng
Tổng số (tỷ đồng)	34.307	100%
Nhóm các ngành sản xuất công nghiệp	19.706	57%
Nhóm các ngành nông lâm thủy sản	5.389	16%
Nhóm các ngành dịch vụ	3.337	10%
Nhóm các ngành xây dựng	3.891	11%
Nhóm kinh doanh bất động sản	773	2%
Nhóm ngành khác	1.210	4%

► Huy động vốn tăng trưởng tốt

Techcombank đã tạo được uy tín và vị thế đáng tự hào trong cộng đồng doanh nghiệp. Trong năm 2010, ngoài việc duy trì tốc độ tăng trưởng huy động từ các doanh nghiệp nói chung đạt mức 11%, thì dấu ấn quan trọng là khối doanh nghiệp SME đóng góp rất lớn với tốc độ tăng trưởng huy động vốn với mức tăng 32% so với năm 2009.

Số liệu cụ thể huy động theo từng phân khúc khách hàng 2 năm qua như sau:

Phân khúc khách hàng	2009	2010	Tăng trưởng
Tổng doanh nghiệp (tỷ đồng)	21.115	23.399	11%
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	14.637	19.376	32%
Doanh nghiệp lớn	6.478	4.023	-38%

► Nguồn thu phí tín dụng ngày càng tăng

Sự mở rộng quy mô khách hàng nhanh chóng cho phép Techcombank không chỉ khai thác các loại hình dịch vụ truyền thống là huy động, cho vay mà còn tăng mạnh doanh thu trong các lĩnh vực dịch vụ khác.

Năm 2010, Techcombank tiếp tục khẳng định vị thế là Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại hàng đầu của Việt Nam với tổng mức thanh toán qua Ngân hàng đạt 5,5 tỷ USD, tăng 52% so với năm 2009. Bên cạnh đó, năm 2010 dịch vụ bảo lãnh đã có sự tăng trưởng vượt bậc khi số dư bảo lãnh tăng 22,59% so với năm 2009.

Với những nền tảng đã tạo dựng trong năm 2010 và kế hoạch hành động cụ thể rõ ràng ngay từ những ngày đầu năm. Tập trung hơn nữa vào việc nâng cao chất lượng phục vụ, cải thiện quy trình xử lý nghiệp vụ đồng thời tận dụng lợi thế sẵn có trong việc nghiên cứu và xây dựng những sản phẩm chuyên biệt, Techcombank đang từng bước tạo dựng những giá trị dịch vụ khác biệt cho mỗi phân khúc khách hàng doanh nghiệp nhằm hiện thực hóa mục tiêu kinh doanh trong năm 2011 và những năm tiếp theo.



“Tạo dựng lợi thế tiên phong, chiếm lĩnh thị trường quản lý tiền tệ và tài trợ thương mại.”

Khối ngân hàng giao dịch

Trên lộ trình trở thành Ngân Hàng Số 1 Việt Nam, Techcombank đã thực hiện nhiều cải tiến về cơ cấu tổ chức và Khối Ngân hàng Giao dịch được ra đời với sứ mệnh là đơn vị phụ trách một trong ba mảng kinh doanh chiến lược nhằm đưa Techcombank thực hiện khát vọng trở thành Ngân hàng hàng đầu ở Việt Nam.



Khối Ngân hàng Giao dịch luôn sát cánh cùng các chi nhánh để góp phần đưa đến khách hàng một hình ảnh Techcombank chuyên nghiệp với khẩu hiệu “One Bank One Team”.

Với sáng kiến này Techcombank đã trở thành Ngân hàng nội địa đầu tiên ở Việt Nam có một đội ngũ chuyên gia về Ngân hàng Giao dịch. Techcombank kỳ vọng sẽ đẩy nhanh tăng trưởng lợi nhuận và củng cố vững chắc vị trí, nâng cao tầm ảnh hưởng của chúng tôi ở thị trường Việt Nam. Điều này cũng cho phép chúng tôi bán chéo được các sản phẩm khác và làm phong phú thêm các dịch vụ của mình đối với nhóm khách hàng Doanh nghiệp lớn (CB) và Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME).

Cùng với những sáng kiến khác, Khối Ngân hàng giao dịch là một động lực lớn để chuyển Ngân hàng từ chiến lược phát triển truyền thống là tăng trưởng thuần túy tiến tới việc trở thành một nhân tố quan trọng trong quá trình củng cố và phát triển của thị trường tài chính Việt Nam.

Khởi đầu một cách tự tin với những thế mạnh sẵn có của Techcombank như (i) có một mạng lưới gồm gần 300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc, (ii) trên nền tảng cơ sở công nghệ tiên tiến đã được thị trường thừa nhận, (iii) đồng hành với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược HSBC và cũng là Ngân hàng hàng đầu thế giới về mảng nghiệp vụ Ngân hàng Giao dịch, (iv) cũng như với tư vấn từ công ty tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey, Khối Ngân hàng Giao dịch đã đạt được một số thành công đáng khích lệ như sau:

- ▶ Xây dựng và hoàn thiện bộ máy Khối Ngân hàng Giao dịch. Chức năng và nhiệm vụ đã được xác định rõ và mô hình phối hợp với các khối kinh doanh khác được xây dựng và thống nhất.
- ▶ Nghiên cứu nhu cầu khách hàng, tiềm năng thị trường, các ngân hàng cạnh tranh, công nghệ áp dụng, để xây dựng các sản phẩm tiên tiến, đáp ứng được các nhu cầu phức tạp của khách hàng doanh nghiệp trong lĩnh vực chính là quản lý tiền tệ và tài trợ thương mại. Xây dựng lộ trình phát triển sản phẩm trong 3 năm tới.
- ▶ Tiến hành triển khai giới thiệu trực tiếp các giải pháp thuộc mảng Ngân hàng Giao dịch tới các khách hàng doanh nghiệp
- ▶ Xây dựng mô hình “Cộng tác viên khối Ngân hàng Giao dịch” tại 30 Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực cho cần thiết cho chi nhánh để tăng cường tính chủ động của các Chi nhánh trong việc chào bán các giải pháp của mảng Ngân hàng Giao dịch.
- ▶ Nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt được sự đồng bộ trong việc giới thiệu các tính năng nổi trội của các giải pháp thuộc mảng Ngân hàng Giao dịch thông qua việc giới thiệu bộ tài liệu sản phẩm cho khách hàng.

Một số thành tích cụ thể nổi trội đã được khối Ngân hàng Giao dịch phối hợp với các Chi nhánh thực hiện thành công trong năm 2010:

- ▶ Giải pháp được thiết kế theo nhu cầu phức tạp của khách hàng và áp dụng công nghệ tiên tiến mà hiện tại trên thị trường Việt Nam mới chỉ có các ngân hàng nước ngoài làm được như:
 - Xây dựng sản phẩm kết nối và xử lý lệnh MT101 và MT940 với Ngân hàng qua mạng SWIFT NET và với doanh nghiệp qua mạng SWIFT CORE.
 - Triển khai được kết nối core-to-core với một số doanh nghiệp nhằm thúc đẩy việc thu tiền, đối soát các khoản phải thu và phải trả một cách hoàn toàn tự động.
 - Xây dựng sản phẩm LC outsourcing cho một số công ty tài chính.
 - Xây dựng giải pháp tài khoản tập trung với việc chuyển tiền hai chiều theo các tiêu chí linh hoạt đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu quản lý luồng tiền của các tập đoàn, công ty mẹ.
- ▶ Chuẩn hóa và cải tiến một loạt sản phẩm hiện có như:
 - Chuẩn hóa và bổ sung các tính năng mới cho sản phẩm Ngân hàng điện tử (F@st E-Bank) phục vụ các khách hàng doanh nghiệp lớn và nước ngoài.
 - Nhóm giải pháp tài trợ thương mại như chương trình tài trợ nhà phân phối, tài trợ nhà cung cấp, dịch vụ chiết khấu hồi phiếu kèm bộ chứng từ xuất khẩu, dịch vụ xác nhận thanh toán qua Ngân hàng, sản phẩm tài trợ LC nhập khẩu theo chương trình GSM - 102 của Bộ Nông Nghiệp Mỹ.
- ▶ Tham gia đào tạo về mảng giải pháp Ngân hàng Giao dịch cho “Cộng tác viên khối Ngân hàng Giao dịch”, các RM của khối SME. Khối Ngân hàng Giao dịch luôn sát cánh cùng các chi nhánh gặp gỡ khách hàng, cùng phục vụ và cung cấp các giải pháp toàn diện và hiệu quả cao, góp phần đưa đến khách hàng một hình ảnh Techcombank chuyên nghiệp với khẩu hiệu “One Bank One Team”.

Với cam kết xây dựng thành công mô hình Ngân hàng Giao dịch đầu tiên trong khối Ngân hàng Cổ phần tại Việt Nam, Khối Ngân hàng Giao dịch sẽ còn rất nhiều mục tiêu cần hoàn thành trong thời gian tới. Trong năm 2011, mục tiêu của Khối bao gồm hoàn thành TB platform, hoàn thiện mô hình CST (Client Service Team – mô hình phục vụ khách hàng) cho các khách hàng lớn, tiếp tục cải tiến và xây dựng các giải pháp tiên tiến trong lĩnh vực Ngân hàng Giao dịch; đồng thời kiện toàn mô hình phối hợp với các chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc.



Hiện nay, Techcombank đã trở thành Ngân hàng nội địa đầu tiên ở Việt Nam có đội ngũ chuyên gia về Ngân hàng Giao dịch, có thể xây dựng những giải pháp và sản phẩm hiện đại mà rất ít Ngân hàng tại Việt Nam có thể cung cấp.



“ Nỗ lực củng cố và hoàn thiện các quy trình về quản lý rủi ro theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế. ”

Quản lý rủi ro được xem là mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Mặt khác, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã tạo ra một nhận thức mới về công tác quản trị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng toàn cầu. Bên cạnh những rủi ro truyền thống thì những rủi ro mang tính thị trường và rủi ro hệ thống nếu không được đánh giá đúng mức có thể khiến bất kỳ một định chế tài chính lớn nào đều có thể sụp đổ. Đó là nhận thức chung, tuy nhiên, trên thực tế, làm thế nào để kiểm soát những rủi ro trên lại phụ thuộc rất lớn vào khả năng quản trị và mức độ quan tâm của Ban lãnh đạo từng Ngân hàng.

KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong nhiều năm qua, Techcombank đã tích cực hoàn thiện khung hệ thống quản trị rủi ro đáp ứng chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Nhiệm vụ quản trị rủi ro của Ngân hàng được thực hiện chủ yếu bởi Khối quản trị rủi ro với yêu cầu đảm bảo đánh giá và kiểm soát được rủi ro ở mọi phạm vi, từ rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động đến các rủi ro trong loại hình kinh doanh, phù hợp với đặc thù địa bàn hoạt động rất rộng của mạng lưới Techcombank.

Năm 2010, Khối Quản trị rủi ro đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán và rủi ro - ARCO (thuộc Hội đồng Quản trị), tham gia vào Ủy ban Quản lý tài sản nợ có - ALCO (thuộc Ban Điều hành) để xem xét điều chỉnh kịp thời, thường xuyên các công tác về quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, trong mỗi khối kinh doanh đều có bộ phận phân tích và đánh giá mức độ rủi ro đối với các nghiệp vụ được triển khai theo chức năng. Việc kiểm soát rủi ro theo hướng tập trung kết hợp với phân cấp nhiều tầng đảm bảo cho Techcombank đánh giá đúng và đủ các rủi ro có thể gặp phải để xây dựng các chính sách phòng ngừa thích hợp.

Trong bối cảnh thị trường tiền tệ có những diễn biến phức tạp, hoạt động tín dụng để phát sinh nợ xấu, công tác quản trị rủi ro tiếp tục được hiện đại hóa theo hướng chuyên sâu và thích ứng với tình hình mới, do vậy đã đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động Ngân hàng an toàn, hiệu quả. Các công tác trọng tâm của quản trị rủi ro là tiếp tục hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro cho từng khối khách hàng, từng khối ngành; mô hình hóa và áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý rủi ro; xây dựng và cập nhật liên tục các báo cáo đánh giá rủi ro; theo dõi và giám sát hàng ngày, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các tỷ lệ an toàn bắt buộc...

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

Tín dụng luôn là một trong những hoạt động đem lại nguồn lợi nhuận chủ yếu cho các ngân hàng, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là trong bối cảnh môi trường kinh doanh hậu khủng hoảng còn nhiều bấp bênh. Techcombank là Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hoàn thiện mô hình phê duyệt tín dụng tập trung, phân luồng và phân cấp phê duyệt hồ sơ tín dụng theo các mức từ Chi nhánh, đến các khối chức năng và hội đồng tín dụng cao cấp. Mô hình hiện đại này đảm bảo cho Ngân hàng luôn kiểm soát được rủi ro khách hàng, duy trì được tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp.

Trong năm 2010, chính sách quản trị rủi ro tín dụng được Techcombank tiếp tục rà soát, cập nhật theo tình hình thị trường, đặc biệt đã cải tiến và ban hành hàng loạt văn bản quan trọng: Khẩu vị rủi ro tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, Chính sách tín dụng, Quy định cho vay, Quy định bảo lãnh, Quy định về phê duyệt tín dụng, Quy trình cấp tín dụng doanh nghiệp và một số chỉ thị tín dụng nhằm kiểm soát rủi ro tín dụng cho một số ngành chiếm tỷ trọng dư nợ lớn của Techcombank. Khối quản trị rủi ro cũng hoàn thành phương pháp xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng cho khách hàng vừa và nhỏ, siêu nhỏ theo dự án trên cơ sở mô hình quản trị rủi ro tín dụng do McKinsey tư vấn. Bước đầu đã triển khai thí điểm hệ thống xếp hạng này tại 6 chi nhánh, tiến tới triển khai đại trà trên toàn hệ thống vào năm 2011.

Việc kiểm soát rủi ro theo hướng tập trung kết hợp với phân cấp nhiều tầng đảm bảo cho Techcombank đánh giá đúng và đủ các rủi ro có thể gặp phải để xây dựng các chính sách phòng ngừa thích hợp.

Techcombank bước đầu đã triển khai thí điểm hệ thống xếp hạng do McKinsey tư vấn tại 6 chi nhánh, tiến tới triển khai đại trà trên toàn hệ thống vào năm 2011.

6 chi nhánh





Các quyết định điều chỉnh chính sách lãi suất của Techcombank đều dựa trên sự phân tích thấu đáo về môi trường kinh doanh, dựa vào các công cụ kỹ thuật đo lường lãi suất.

Sau cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua, một bài học quan trọng được rút ra trong công tác quản trị rủi ro đối với các tổ chức tín dụng là, không chỉ quản lý rủi ro tốt ở tổ chức mình mà còn phải thấu hiểu khả năng quản trị rủi ro của đối tác là các định chế tài chính trên thị trường. Do đặc thù hoạt động theo hệ thống, rủi ro của một định chế tài chính khác có thể ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của Ngân hàng. Vì vậy Techcombank đã hoàn thành việc xây dựng khung quản lý rủi ro tín dụng đối với các định chế tài chính để xác định nguy cơ rủi ro, đánh giá và đo lường rủi ro, đồng thời xây dựng các khẩu vị rủi ro, hệ thống tính điểm tín dụng nội bộ, các chính sách tín dụng và hướng dẫn cho khách hàng là định chế tài chính.

QUẢN TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Techcombank là một trong những ngân hàng đầu tiên áp dụng thành công hệ thống quản trị rủi ro thị trường từ năm 2003, nhằm đảm bảo phòng chống các rủi ro trong kinh doanh ngoại hối, chứng khoán cũng như rủi ro về lãi suất, thanh khoản.

Trong năm 2010, các mô hình quản trị rủi ro thị trường tiếp tục được cải tiến theo hướng cập nhật những kỹ thuật tiên tiến nhất và cải tiến các quy trình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro trong kinh doanh.

Trong hoạt động kinh doanh ngoại hối:

- Thiết lập hạn mức về trạng thái ngoại hối cho tất cả các loại ngoại tệ, tiến hành kiểm soát hạn mức hàng ngày, đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và mục đích quản lý rủi ro nội bộ được Hội đồng ALCO điều chỉnh theo từng thời kỳ.
- Đưa ra những cảnh báo về sự biến động của thị trường, hỗ trợ bộ phận kinh doanh nhận định xu hướng sắp tới của những ngoại tệ mạnh.

Các hoạt động kinh doanh vàng:

- Theo dõi và kiểm soát hoạt động môi giới kinh doanh vàng tài khoản.
- Thiết lập hạn mức, đề xuất về hạn mức vàng và tiến hành kiểm soát hạn mức hàng ngày.
- Thực hiện báo cáo về thực trạng giao dịch của hoạt động kinh doanh vàng vật chất.
- Thực hiện phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản cho xu hướng giá vàng sắp tới.
- Các hoạt động kinh doanh chứng khoán:
- Kiểm soát giá mua/bán trái phiếu.
- Xây dựng các mô hình quản lý, đánh giá hiệu quả danh mục chứng khoán.
- Đóng góp ý kiến xây dựng các quy trình kinh doanh chứng khoán.

Các hoạt động kinh doanh trên thị trường hàng hóa tương lai:

- Thực hiện kiểm soát toàn diện đối với hoạt động môi giới hàng hóa tương lai: Kiểm soát rủi ro lãi lỗ theo thời gian thực đến từng tài khoản của khách hàng; Kiểm soát và đánh giá lại hạn mức cho các khách hàng giao dịch hàng hóa theo từng quý.
- Nghiên cứu và triển khai phần mềm giao dịch điện tử Jtrader với nhiều tiện ích hữu dụng cho khách hàng và hệ thống kiểm soát giao dịch điện tử SARA của Techcombank.
- Phát triển và tư vấn chính sách quản trị rủi ro đối với Sàn giao dịch cafe BCEC-ĐắcLắc của tỉnh ĐắcLắc.

Nghiên cứu sản phẩm quyền chọn hàng hóa và phát triển sản phẩm phức hợp quyền chọn nói chung và cho khách hàng lớn như Vietnam Airlines...

Kiểm soát các rủi ro lãi suất và thanh khoản:

- Ủy ban ALCO của Ngân hàng thực hiện các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm đánh giá rủi ro lãi suất. Các quyết định điều chỉnh chính sách lãi suất của Techcombank đều dựa trên sự phân tích thấu đáo về môi trường kinh doanh, dựa vào các công cụ kỹ thuật đo lường lãi suất...
- Đối với hoạt động quản trị rủi ro thanh khoản, trong năm 2010, Techcombank đã xây dựng các công cụ theo dõi, giám sát và đảm bảo hàng ngày các tỷ lệ an toàn, bao gồm cả tỷ lệ khả năng chi trả, mà các tổ chức tín dụng cần phải tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ tiêu thanh khoản nội bộ của Ngân hàng.

QUẢN TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là các rủi ro xảy ra do quy trình, con người và hệ thống không phù hợp hay vận hành không đúng hoặc do các sự kiện bên ngoài. Đây là loại rủi ro xảy ra khá thường xuyên trong hoạt động của các ngân hàng và được Techcombank đặc biệt quan tâm. Nhóm làm việc về rủi ro hoạt động nhóm họp hàng tháng nhằm thảo luận và đưa ra phương hướng giải quyết các vấn đề rủi ro hoạt động trọng yếu của Ngân hàng.

Trong năm 2010, các chương trình hoạt động cốt lõi của Quản trị rủi ro hoạt động đã được xây dựng hoàn chỉnh, bao gồm Thu thập dữ liệu tổn thất, Đánh giá rủi ro và Đo lường chỉ số rủi ro chính. Phần mềm quản lý rủi ro hoạt động phát triển từ năm 2009 và hoàn thành năm 2010, đáp ứng được nhu cầu về Quản trị rủi ro hoạt động của Techcombank trong vài năm tới. Tháng 9/2010, phần mềm này đã được chuyển giao cho Khối Công nghệ và vận hành để quản lý.

Cũng trong năm 2010, Phòng Quản trị rủi ro hoạt động đã tiếp nhận thêm một số nhiệm vụ như xem xét yếu tố rủi ro hoạt động trong các quy trình/sản phẩm mới trước khi ban hành và làm đầu mối rà soát, đàm phán ký kết các hợp đồng bảo hiểm.

Trong năm 2010, các mô hình quản trị rủi ro thị trường tiếp tục được cải tiến theo hướng cập nhật những kỹ thuật tiên tiến nhất và cải tiến các quy trình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro trong kinh doanh.



Techcombank là một trong những ngân hàng đầu tiên áp dụng thành công hệ thống quản trị rủi ro thị trường từ năm 2003.

“ Đi lên cùng sự phát triển của cộng đồng là tôn chỉ hoạt động và nền tảng văn hóa Techcombank. ”

Trong nhiều năm qua, các hoạt động vì cộng đồng luôn song hành cùng sự phát triển của Techcombank và ngày càng được đầu tư có chiều sâu hơn, thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Ngân hàng trong việc góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

Năm 2010 là một năm đánh dấu nhiều hoạt động sôi nổi của Techcombank trong các hoạt động xã hội; trong đó, Ngân hàng đặc biệt quan tâm đến những hoạt động khuyến học, khuyến tài, góp phần tạo dựng nguồn lực tri thức cho đất nước. Với vai trò là **nhà tài trợ chính** cho nhiều cuộc thi lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam, Techcombank mong muốn tạo điều kiện thuận lợi để thế hệ trẻ tiếp cận với nền tri thức hiện đại của thế giới. Một số chương trình điển hình:

- Cuộc thi “Microsoft Office World Champion 2010” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Công ty IIG tổ chức lần đầu tiên tại Việt Nam vào tháng 05/2010 diễn ra tại hơn 100 trường đại học trên cả nước. Đây là cuộc thi về kỹ năng sử dụng ứng dụng văn phòng Microsoft Office do Certiport tổ chức hàng năm trên phạm vi toàn thế giới nhằm lựa chọn ra những ứng viên xuất sắc ở mỗi quốc gia.
- Cuộc thi “Piano quốc tế lần thứ nhất Hà Nội 2010” do Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ tài năng tổ chức với 63 thí sinh đến từ 10 nước trên thế giới. Sự kiện này đã tạo nên dấu ấn đẹp trong lĩnh vực nghệ thuật, góp phần phát hiện, hỗ trợ các tài năng trẻ âm nhạc cổ điển, đồng thời đưa nền âm nhạc cổ điển thế giới đến với công chúng yêu âm nhạc tại Việt Nam.

Bên cạnh sự nghiệp phát triển giáo dục, các hoạt động từ thiện cũng được Techcombank chú trọng với sự tham gia nhiệt tình của toàn thể cán bộ nhân viên. Năm 2010, nhiều phong trào được phát động đã thể hiện sâu sắc tinh thần “Lá lành đùm lá rách” của từng thành viên trong tập thể Techcombank đối với những hoàn cảnh khó khăn như:

- Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung hơn 1,4 tỷ đồng.
- Tài trợ 200 triệu đồng cho Đêm nhạc từ thiện do Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị tỉnh Kiên Giang tổ chức.
- Tài trợ hơn 70 triệu đồng cho Giải Golf từ thiện do Báo Công an TP. HCM tổ chức để mua sắm trang thiết bị y tế tặng Bệnh viện Tu Mơ Rông - Kon Tum và Cư Jut - Đắk Lắk.
- Ủng hộ Quý nạn nhân chất độc màu da cam tỉnh Phú Thọ để giúp đỡ những trường hợp khó khăn, khắc phục bệnh tật vươn lên hòa nhập với cộng đồng.
- Đặc biệt, năm 2010 Techcombank đã tham gia tích cực chương trình “Đi bộ đồng hành Sao Vàng Đất Việt - Vì trẻ em có hoàn cảnh khó khăn” với tư cách nhà tài trợ chính. Chương trình này đã gây được tiếng vang lớn cùng sự ủng hộ của dư luận trong việc thể hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.

Tham gia tích cực các hoạt động xã hội, thể hiện tinh thần tương thân, tương ái là nét đẹp truyền thống được tập thể cán bộ nhân viên Techcombank xây dựng từ nhiều năm qua. Những hoạt động này sẽ luôn song hành với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tạo nên nét văn hóa cốt lõi của thương hiệu Techcombank - Ngân hàng uy tín, tin cậy và luôn có trách nhiệm với cộng đồng.



Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt Miền Trung



Chung tay góp sức cùng đồng bào Hà Tĩnh



Đi bộ đồng hành trong khuôn khổ giải thưởng Sao Vàng Đất Việt



Nỗ lực đổi mới, Chúng tôi không ngừng
Khẳng định vị thế

CHUYÊN NGHIỆP THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Trong những năm qua, Techcombank đã không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình quản trị Ngân hàng chuyên nghiệp, hiện đại. Nỗ lực này đã giúp Techcombank đạt được Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010” (Best Bank in Vietnam 2010) - do tạp chí chuyên ngành tài chính hàng đầu Thế giới Euromoney trao tặng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin về Ngân hàng	55
Báo cáo của kiểm toán viên độc lập	56
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	57
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	60
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	61
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	63

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số	0040/NH - GP	ngày 6 tháng 8 năm 1993
	Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 20 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn hoạt động được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	055697	ngày 7 tháng 9 năm 1993
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, trong đó bản mới nhất được cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.	
Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Hùng Anh Ông Nguyễn Đăng Quang Ông Nguyễn Thiệu Quang Ông Nguyễn Cảnh Sơn Ông Sumit Dutta Ông Madhur Maini Ông Trần Thanh Hiền Ông Stephen Colin Moss Ông Nguyễn Đức Vinh	Chủ tịch Phó Chủ tịch thứ nhất Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
Ban Điều hành	Ông Nguyễn Đức Vinh Ông Phạm Quang Thắng Ông Lê Xuân Vũ Bà Đặng Tuyết Dung Bà Bạch Thủy Hà Ông Phan Thanh Sơn Ông Nguyễn Công Thành Ông Nguyễn Cảnh Vinh Ông Anthony Guerrier Bà Đỗ Diễm Hồng Ông Phùng Quang Hưng Ông Nguyễn Thành Long Ông Nguyễn Văn Thọ Bà Tô Thùy Trang Ông Suleman Chhagla	Chủ tịch ban điều hành/Tổng giám đốc Giám đốc Khối Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài Chính Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn kiêm Trưởng Văn phòng đại diện tại TP.HCM Giám đốc Khối bán hàng và kênh phân phối Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch Giám đốc Khối Khách hàng Định chế tài chính Giám đốc Khối Vận hành & công nghệ Giám đốc Khối Pháp chế Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực Giám đốc Khối Marketing Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở đăng ký	70-72 Bà Triệu Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

Kính gửi các **Cổ đông và Hội đồng Quản trị**
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "Techcombank") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban lãnh đạo Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của ban lãnh đạo Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Ngân hàng, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-183/2



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 08/03/2011

Nguyễn Thùy Dương

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND	
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	3	4.316.209	1.973.057
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	2.752.951	2.719.744
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	46.831.156	26.268.954
	1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		46.829.156	25.899.195
	2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		2.000	379.049
	3 Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	(9.290)
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	488.186	425.261
	1 Chứng khoán kinh doanh		566.608	425.265
	2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(78.422)	(4)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	-	46.512
VI	Cho vay khách hàng		52.316.862	41.580.370
	1 Cho vay khách hàng	8	52.927.857	42.092.767
	2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(610.995)	(512.397)
VII	Chứng khoán đầu tư	10	31.044.804	13.608.323
	1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		27.133.053	10.311.480
	2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.923.251	3.296.843
	3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(11.500)	-
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	69.645	65.668
	4 Đầu tư dài hạn khác		69.645	65.668
IX	Tài sản cố định		1.003.907	700.901
	1 Tài sản cố định hữu hình	12	831.259	585.114
	a. Nguyên giá		1.041.590	713.608
	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(210.331)	(128.494)
	3 Tài sản cố định vô hình	13	172.648	115.787
	a. Nguyên giá		221.176	149.814
	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(48.528)	(34.027)
XI	Tài sản Có khác	14	11.467.495	5.192.714
	1 Các khoản phải thu		8.747.242	3.889.531
	2 Các khoản lãi, phí phải thu		2.219.043	1.112.806
	3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		23.922	21.942
	4 Tài sản có khác		477.472	168.619
	5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(184)	(184)
	TỔNG TÀI SẢN		150.291.215	92.581.504

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI

KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	8.091.316	3.932.348
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	27.783.114	10.346.086
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		22.199.978	7.706.966
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		5.583.136	2.639.120
III Tiền gửi của khách hàng	17	80.550.753	62.347.400
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	7	52.888	-
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	18	6.641.090	1.632.826
VI Phát hành giấy tờ có giá	19	15.024.217	5.036.565
VII Các khoản nợ khác	20	2.758.676	1.962.453
1 Các khoản lãi, phí phải trả		1.378.833	838.657
3 Các khoản phải trả và công nợ khác		1.303.439	1.051.751
4 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		76.404	72.045
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		140.902.054	85.257.678
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII Vốn và các quỹ	21	9.389.161	7.323.826
1 Vốn		6.932.555	5.400.788
a. Vốn cổ phần		6.932.184	5.400.417
g. Vốn khác		371	371
2 Các quỹ		691.111	472.210
5 Lợi nhuận chưa phân phối		1.765.495	1.450.828
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.389.161	7.323.826
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		150.291.215	92.581.504

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN			
2 Bảo lãnh khác		5.410.639	6.082.655
3 Thư tín dụng		5.594.889	4.186.579
II CAM KẾT KHÁC			
1 Cam kết cho vay chưa giải ngân		3.541	6.931
2 Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn		2.934.601	1.342.512

Người duyệt:



Bùi Thu Trang
Kế toán trưởng
08/03/2011



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	10.934.383	6.882.366
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(7.750.034)	(4.382.546)
I Thu nhập lãi thuần	22	3.184.349	2.499.820
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	1.186.620	740.427
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	23	(256.820)	(99.368)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23	929.800	641.059
III Lãi/ (lỗ) thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng		(91.383)	48.089
IV Lãi/ (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	24	(71.418)	150.453
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	25	160.335	372.165
5 Thu nhập từ hoạt động khác	26	696.116	196.134
6 Chi phí hoạt động khác		(169.525)	(18.007)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác		526.591	178.127
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		80.747	28.441
VIII Chi phí hoạt động	27	(1.587.749)	(1.183.772)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		3.131.272	2.734.382
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	28	(387.645)	(481.485)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		2.743.627	2.252.897
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	(672.852)	(574.670)
8 Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29	1.980	21.942
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(670.872)	(552.728)
XIII Lợi nhuận sau thuế		2.072.755	1.700.169
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	30	2.990	2.453
XVI Lãi pha loãng trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	30	2.389	2.453

Người duyệt:



Bùi Thu Trang
Kế toán trưởng
08/03/2011



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		9.828.146	6.647.389
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.209.858)	(4.544.204)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		929.800	641.059
04 Số tiền thực thu thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán		87.452	422.393
05 Thu nhập khác nhận được		287.534	31.410
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro		240.067	146.781
07 Tiền chi trả chi nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.490.250)	(1.108.714)
08 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(550.979)	(706.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		2.121.912	1.529.843
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(3.147.541)	(3.793.126)
10 Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh		(17.589.324)	(3.387.701)
11 Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác		46.512	(16.605)
12 Cho vay và ứng trước khách hàng		(11.129.070)	(15.995.738)
14 Tài sản hoạt động khác		(5.166.564)	(2.572.282)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15 Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam		4.158.968	3.932.348
16 Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác		17.437.028	1.375.817
17 Tiền gửi của khách hàng		18.203.353	22.729.677
18 Phát hành giấy tờ có giá		7.070.437	2.274.772
19 Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		5.008.264	1.400.865
20 Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		52.888	-
21 Các công nợ hoạt động khác		129.814	374.548
22 Chi từ các quỹ		(8.427)	(1.815)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		17.188.250	7.850.603
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01 Mua sắm tài sản cố định		(401.210)	(211.513)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		705	-
07 Tiền thu/(chi) đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(3.977)	757
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		80.747	28.441
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(323.735)	(182.315)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02 Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá		2.917.215	-
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		2.917.215	-
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		19.781.730	7.668.288
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM		20.957.706	13.289.418
VI TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	31	40.739.436	20.957.706

Người duyệt:


Bùi Thu Trang
Kế toán trưởng
08/03/2011



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 055697 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 7 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được gia hạn thành 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do NHNNVN cấp ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn cổ phần của Ngân hàng là 6.932.183.710.000 đồng Việt Nam. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 70-72 Bà Triệu, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, một (1) Trung tâm giao dịch, năm mươi sáu (56) chi nhánh, hai trăm hai mươi bốn (224) phòng giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là "Techcombank").

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

Các công ty con	Giấy phép hoạt động	Hoạt động chính	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008.	Các hoạt động chứng khoán	100%
Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương	40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008.	Quản lý quỹ	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Techcombank có 7.481 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 5.548 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Techcombank áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp. Ngoài thay đổi trong phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Techcombank đã áp dụng một cách nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong những năm trước.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là những công ty mà Ngân hàng có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày quyền của các công ty này được trao cho Ngân hàng. Báo cáo của các công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Ngân hàng không còn kiểm soát các công ty này.

Techcombank hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu.

Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần lợi nhuận hoặc lỗ và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Techcombank từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng Đồng Việt Nam trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kì hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và chứng khoán đầu tư với kỳ hạn tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(e) Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại theo ba loại: i) chứng khoán kinh doanh, ii) chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc iii) chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Techcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua.

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được mua và nắm giữ ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày giao dịch. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán thanh lý chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

(iii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, và ban lãnh đạo Techcombank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc sau đó nếu có dấu hiệu suy giảm giá trị lâu dài, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

(f) Các khoản đầu tư dài hạn

(i) Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và nắm quyền dưới 11% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Dự phòng giảm giá cho khác khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư (Thuyết minh 2(g)).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(g) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn

Theo Thông tư 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính (“BTC”) ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006, các tổ chức tín dụng cần lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư dài hạn (bao gồm dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán) theo các quy định áp dụng cho các doanh nghiệp.

Theo Công văn số 7459/NHNN-KTTC do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có dấu hiệu sụt giảm giá trị lâu dài.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế (các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp danh, liên doanh và các đầu tư dài hạn khác) được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư).

(h) Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005 (“Quyết định số 493”), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 25 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định số 18”), dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc niên độ kế toán (31 tháng 12 năm 2010) được xác định bằng dự phòng cụ thể được lập theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 tại ngày 30 tháng 11 năm 2010, trừ đi dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước đã thu được trong tháng 12 năm 2010.

Dự phòng cụ thể tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo.

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Techcombank cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493 có hiệu lực. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2009).

Theo Quyết định số 493, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(i) Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác

Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác được trích lập theo quy định tại Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

(j) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 18, Techcombank được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các số dư trên giống với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng. Theo Quyết định số 493, Techcombank cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493 có hiệu lực. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Techcombank đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,75% các số dư nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2009).

(k) Các công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận vào các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày hiệu lực của các hợp đồng và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ. Lãi hoặc lỗ thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận trong tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Nhà cửa & chi phí nâng cấp	20 - 50 năm
• Thiết bị văn phòng	4 - 8 năm
• Phương tiện vận chuyển	7 năm
• Các tài sản khác	4 - 5 năm

(m) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê

Quyền sử dụng đất thuê được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 25-50 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Phân bổ lũy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

(n) Dự phòng

Dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng tại Thuyết minh 2(j) và 2(o) được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Techcombank có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Techcombank phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được các đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Techcombank từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Ngân hàng.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Techcombank và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Techcombank không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(p) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(r) Các quỹ và dự trữ

Ngân hàng

Theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau.

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận còn lại sau thuế	25% vốn cổ phần

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và được dùng chủ yếu để chi trả cho các cán bộ công nhân viên Ngân hàng. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(r) Các quỹ và dự trữ (tiếp theo)

Các công ty con

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được công ty thực hiện tương tự như Ngân hàng.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Theo Thông tư 27/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải trích lập các quỹ sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận còn lại sau thuế	10% Vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

(s) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 2(h) được ghi nhận khi Techcombank thực thu được.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Techcombank được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu của các cổ đông hiện tại, cổ phiếu trích từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Ngân hàng ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng lên trong thuyết minh báo cáo tài chính.

(t) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

(u) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(w) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm có tính đến các ảnh hưởng của các công cụ có tính suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu chuyển đổi.

(x) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(y) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Techcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Techcombank là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý và theo hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

3. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	1.257.998	781.272
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	295.318	360.430
Vàng tại quỹ	2.762.893	831.355
	4.316.209	1.973.057

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("CRR"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

Tiền gửi tại Ngân hàng	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2010	31/12/2009
Số dư bình quân tháng trước của:		
§ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	4,00%	7,00%
§ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	2,00%	3,00%
§ Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
§ Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%
	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	2.752.951	2.719.744

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

5. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	3.938.370	1.491.706
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.675.663	1.937.589
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	29.395.354	11.460.384
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	7.819.769	11.009.516
Các khoản cho vay		
Các khoản cho vay bằng VND	2.000	150.000
Các khoản cho vay bằng ngoại tệ	-	229.049
Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	(9.290)
	46.831.156	26.268.954

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Chứng khoán vốn		
§ Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	215.765	221.223
§ Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	350.843	204.042
	566.608	425.265
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(78.422)	(4)
	488.186	425.261

(i) **Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:**

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	4	59.622
Trích lập dự phòng trong năm	78.418	4
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(59.622)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	78.422	4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Chứng khoán vốn		
§ Niêm yết	562.114	423.347
§ Chưa niêm yết	4.494	1.918
	566.608	425.265

7. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH/ (CÔNG NỢ TÀI CHÍNH) KHÁC

	31/12/2010		31/12/2009	
	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo) Triệu VND	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo) Triệu VND
		<i>Tài sản/ (nợ phải trả)</i>		<i>Tài sản/ (nợ phải trả)</i>
		Triệu VND		Triệu VND
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.868.925	(13.664)	4.499.307	83.038
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.919.076	(39.224)	1.365.016	(41.454)
Giao dịch tương lai vàng	-	-	149.826	4.928
	5.788.001	(52.888)	6.014.149	46.512

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	52.471.320	41.619.593
Chiết khấu hối phiếu	219.596	370.613
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	236.941	102.561
	52.927.857	42.092.767

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2010 Triệu VND	%	31/12/2009 Triệu VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	50.096.997	94,65%	39.344.756	93,47%
Nợ cần chú ý	1.619.793	3,06%	1.700.007	4,04%
Nợ dưới tiêu chuẩn	718.812	1,36%	474.050	1,13%
Nợ nghi ngờ	320.284	0,61%	431.159	1,02%
Nợ có khả năng mất vốn	171.971	0,32%	142.795	0,34%
	52.927.857	100%	42.092.767	100%

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2010 Triệu VND	%	31/12/2009 Triệu VND	%
Ngắn hạn	30.076.441	56,82%	28.310.069	67,26%
Trung hạn	10.468.073	19,78%	8.320.863	19,77%
Dài hạn	12.383.343	23,40%	5.461.835	12,97%
	52.927.857	100%	42.092.767	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2010 Triệu VND	%	31/12/2009 Triệu VND	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	19.706.317	37,23%	6.348.894	15,08%
Thương mại, sản xuất và chế biến	8.726.192	16,49%	16.169.326	38,41%
Xây dựng	4.445.127	8,40%	2.752.698	6,54%
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	443.669	0,84%	1.499.600	3,56%
Cá nhân và các ngành nghề khác	19.606.552	37,04%	15.322.249	36,41%
	52.927.857	100%	42.092.767	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2010 Triệu VND	%	31/12/2009 Triệu VND	%
Doanh nghiệp nhà nước	769.117	1,45%	2.300.537	5,47%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	15.823.427	29,90%	13.252.401	31,48%
Công ty cổ phần	12.921.669	24,41%	13.213.608	31,39%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.909.300	5,50%	473.033	1,12%
Doanh nghiệp tư nhân	1.530.244	2,89%	1.437.941	3,42%
Cá nhân và các khách hàng khác	18.974.100	35,85%	11.415.247	27,12%
	52.927.857	100%	42.092.767	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CÁC KHOẢN CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng các khoản cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	384.860	315.081
Dự phòng cụ thể	226.135	197.316
	610.995	512.397

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	315.081	148.354
Dự phòng trích lập trong năm	69.779	166.727
Số dư tại ngày 31 tháng 12	384.860	315.081

Biến động dự phòng cụ thể các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	197.316	175.678
Dự phòng trích lập trong năm	654.439	321.940
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(331.642)	(54.314)
Sử dụng dự phòng để xử lý các khoản nợ khó đòi	(293.978)	(245.988)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	226.135	197.316

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ (Điều chỉnh lại)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
§ Trái phiếu Chính phủ	7.205.705	6.217.192
§ Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	6.134.452	1.749.398
§ Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	13.765.004	2.339.625
<i>Chứng khoán vốn</i>		
§ Cổ phiếu do các đơn vị kinh tế trong nước phát hành	27.800	5.265
§ Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	92	-
	27.133.053	10.311.480
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(11.500)	-
	27.121.553	10.311.480
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
§ Trái phiếu Chính phủ	60.179	379.319
§ Trái phiếu Kho bạc của NHNNVN	368.060	-
§ Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2.430.000	2.430.000
§ Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	1.065.012	87.524
§ Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	-	400.000
	3.923.251	3.296.843
	31.044.804	13.608.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Đầu tư dài hạn - giá gốc (i)	69.645	65.668
	69.645	65.668

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	31/12/2010		31/12/2009	
	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác				
CTCP Tài chính Hóa chất Việt Nam	10,00%	60.000	10,00%	30.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh				
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
Tổng công ty XNK Xây dựng Việt Nam	-	-	0,54%	20.823
CTPC Đầu tư TCO Việt Nam	11,00%	3.300	2,20%	660
CTCP S-Media	-	-	16,50%	3.300
CTCP Kinh doanh và Đầu tư Vàng Việt Nam	-	-	8,00%	8.000
CTCP Dịch vụ Thẻ Smartlink	2,00%	1.000	2,00%	1.000
CTCP Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	5,51%	561	10,67%	562
CTCP Đầu tư PCB	6,36%	3.181	1,90%	380
S.W.I.F.T SCRL	0,09%	283	0,10%	283
Công ty Cổ phần Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Việt Nam	10,00%	660	10,00%	660
TECHCOMDEVELOPER	11,00%	660	-	-
		69.645		65.668

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và chi phí nâng cấp Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Các tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	239.356	377.232	81.128	15.892	713.608
Tăng trong năm	22.807	269.184	31.147	6.710	329.848
Thanh lý	-	(300)	(1.355)	(153)	(1.808)
Xóa sổ	(58)	-	-	-	(58)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	262.105	646.116	110.920	22.449	1.041.590
Hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	15.024	90.752	20.035	2.683	128.494
Khấu hao trong năm	4.649	56.280	20.215	1.854	82.998
Thanh lý	-	(147)	(875)	(139)	(1.161)
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	19.673	146.885	39.375	4.398	210.331
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	224.332	286.480	61.093	13.209	585.114
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	242.432	499.231	71.545	18.051	831.259

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Các tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	99.481	47.426	2.907	149.814
Tăng trong năm	71.056	-	306	71.362
Xóa sổ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	170.537	47.426	3.213	221.176
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	33.083	279	665	34.027
Khấu hao trong năm	13.689	46	766	14.501
Xóa sổ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	46.772	325	1.431	48.528
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	66.398	47.147	2.242	115.787
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	123.765	47.101	1.782	172.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu	8.747.242	3.889.531
§ Phải thu nội bộ	174.352	86.623
§ Đặt cọc thuê văn phòng	192.160	147.280
§ Phải thu từ NHNNVN liên quan đến Chương trình Hỗ trợ Lãi suất	47.507	108.581
§ Ứng trước hợp đồng	181.021	87.188
§ Hợp đồng mua bán lại với tổ chức tín dụng khác	-	60.000
§ Tiền ủy thác đầu tư cho các tổ chức khác	3.724	510.623
§ Ứng trước để mua chứng khoán (i)	7.869.982	1.681.150
§ Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	17.771	976.018
§ Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	258.076	232.068
§ Phải thu từ các hoạt động quản lý quỹ	2.649	-
Các khoản lãi và phí phải thu	2.219.043	1.112.806
Tài sản có khác	477.472	168.619
§ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.036	12.008
§ Vật liệu	65.694	53.802
§ Chi phí trả trước	202.318	101.557
§ Tài sản có khác	201.424	1.252
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (ii)	23.922	21.942
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(184)	(184)
	11.467.495	5.192.714

(i) Đây là các khoản ứng trước ngắn hạn bằng VNĐ cho các công ty chứng khoán với mục đích mua chứng khoán cho Techcombank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các công ty chứng khoán chưa mua được chứng khoán (31 tháng 12 năm 2009: không). Techcombank tính lãi suất năm từ 11% đến 15,5% (2009: 10%-13,5%) đối với các công ty chứng khoán tính từ ngày giải ngân các khoản tạm ứng đến ngày mua được chứng khoán.

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào doanh thu chờ phân bổ.

15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đây là các khoản vay từ NHNNVN theo các hợp đồng mua bán lại Trái phiếu Chính phủ (Xem thuyết minh 10). Các khoản vay này có kỳ hạn gốc là 7 ngày (2009: 15 ngày) và chịu lãi suất 10% một năm (2009: 8%).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

16. TIỀN GỬI VÀ TIỀN VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	3.453.561	242.687
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.445.992	303.786
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	10.590.340	4.254.050
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.710.085	2.906.443
	22.199.978	7.706.966
Tiền vay		
Tiền vay bằng VNĐ	240.000	386.040
Tiền vay bằng ngoại tệ	5.343.136	2.253.080
	5.583.136	2.639.120
	27.783.114	10.346.086

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	8.437.188	8.175.620
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.661.068	1.159.661
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	56.025.427	37.204.824
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	13.081.268	12.252.296
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VNĐ	704.805	1.587.693
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	640.997	1.967.306
	80.550.753	62.347.400

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Tổ chức kinh tế	18.744.743	19.543.720
Cá nhân	61.806.010	42.803.680
	80.550.753	62.347.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

18. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỎ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

Bao gồm trong khoản này là vốn đầu tư ủy thác nhận từ các bên ủy thác khác nhau, chịu lãi suất năm trong khoảng từ 3,0% đến 13,5% (2009: 5,5% đến 15,5%).

19. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Dưới 12 tháng	2.370.035	686.565
Từ 12 tháng đến 5 năm	7.403.559	4.350.000
Trên 5 năm	2.250.623	-
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	3.000.000	-
	15.024.217	5.036.565

20. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Lãi và phí phải trả	1.378.833	838.657
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.303.439	1.051.751
§ Chuyển tiền phải trả	42.916	41.223
§ Phải trả nhân viên	58.841	118.209
§ Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.674	3.674
§ Các khoản phải trả hộ các tổ chức tín dụng khác	70.415	40.124
§ Phải trả nhà cung cấp	5	4.789
§ Dự phòng thuế phải nộp (i)	444.414	306.055
§ Doanh thu chưa thực hiện	151.896	120.460
§ Tạm ứng nhận từ hợp đồng mua nợ	-	91.310
§ Ứng trước từ khách hàng để thanh toán LC	-	122.362
§ Các khoản phải trả khác	531.278	203.545
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (ii)	76.404	72.045
	2.758.676	1.962.453

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

(i) Dự phòng thuế phải nộp

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	25.268	19.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	396.874	275.001
Các loại thuế khác	22.272	11.379
	444.414	306.055

(ii) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng như sau:

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	72.045	34.203
Dự phòng trích lập trong năm	4.359	37.842
Số dư tại ngày 31 tháng 12	76.404	72.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

	Vốn cổ phần		Vốn khác		Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khen thưởng		Quỹ đầu tư và phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	3.642.015	1.063.402	371	59.513	220.151	2.872	168	473	636.443	5.625.408					
Lợi nhuận tái đầu tư	636.443	-	-	-	-	-	-	-	(636.443)	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang vốn cổ phần	1.121.959	(1.063.402)	-	(58.557)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.700.169	-	-	-	1.700.169	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	85.962	162.379	(719)	1.000	-	(249.341)	-	-	-	-	(1.815)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.096)	-	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	64	-	-	-	-	-	-	64	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	5.400.417	-	371	86.918	382.530	2.153	136	473	1.450.828	7.323.826					
Chuyển sang vốn cổ phần	1.531.767	-	-	(1.531.767)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.072.755	-	-	-	2.072.755	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.555.590	200.479	(443)	5.912	-	(1.761.981)	-	-	-	-	(8.427)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(3.565)	-	(4.419)	-	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	(2.886)	-	-	-	-	3.893	-	-	-	-	1.007	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6.932.184	-	371	107.855	579.444	1.710	1.629	473	1.765.495	9.386.861					

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

Vốn cổ phần

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	693.218.371	6.932.184	540.041.671	5.400.417
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	693.218.371	6.932.184	540.041.671	5.400.417
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	693.218.371	6.932.184	540.041.671	5.400.417

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Techcombank.

22. THU NHẬP LÃI THUẦN

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	3.375.282	1.848.698
Cho vay khách hàng	5.594.413	3.836.177
Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ	1.964.688	1.197.491
	10.934.383	6.882.366
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		
Các khoản tiền gửi của khách hàng	(6.193.981)	(3.966.008)
Các khoản tiền gửi và vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng	(1.012.822)	(190.020)
Phát hành giấy tờ có giá	(543.231)	(226.518)
	(7.750.034)	(4.382.546)
Thu nhập lãi thuần	3.184.349	2.499.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

23. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ bảo lãnh	159.776	85.571
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	690.557	461.488
Dịch vụ ủy thác và đại lý	2.506	8.814
Dịch vụ tư vấn	130.816	33.918
Dịch vụ khác	202.965	150.636
	1.186.620	740.427
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(104.821)	(40.951)
Chi phí truyền thông	(27.912)	(15.405)
Dịch vụ tư vấn	(103.162)	(15.920)
Dịch vụ môi giới	(6.980)	(1.000)
Dịch vụ khác	(13.945)	(26.092)
	(256.820)	(99.368)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	929.800	641.059

24. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	19.593	96.187
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(12.593)	(5.352)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(78.418)	(4)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	59.622
	(71.418)	150.453

25. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	171.835	326.955
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	(43.486)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(11.500)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	88.696
	160.335	372.165

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

26. THU NHẬP KHÁC

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước	240.067	146.781
Thu nhập khác	456.049	49.353
	696.116	196.134

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Lương và các chi phí liên quan	754.516	594.340
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	49.113	94.188
Chi phí thuê văn phòng và tài sản	298.390	193.048
Khấu hao tài sản cố định	96.132	70.386
Thuế, lệ phí và phí	72.069	35.345
Chi phí dụng cụ và thiết bị	112.060	77.497
Chi phí thông tin liên lạc, viễn thông	29.821	19.069
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	49.095	10.734
Các chi phí hoạt động khác	126.553	89.165
	1.587.749	1.183.772

28. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Dự phòng chung cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng	5	-	2.834
Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng	5	-	6.456
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng	5	(9.290)	-
Dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng	9	69.779	166.727
Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng	9	654.439	321.940
Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay khách hàng	9	(331.642)	(54.314)
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	20	4.359	37.842
		387.645	481.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

29. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	672.852	574.390
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	280
	672.852	574.670
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(1.980)	(21.942)
Chi phí thuế thu nhập	670.872	552.728

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	2.743.627	2.252.897
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Thu nhập không chịu thuế	(65.159)	(34.322)
Thu nhập tính thuế	2.678.468	2.218.575
Thuế theo thuế suất của Ngân hàng	669.616	554.644
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	-	(2.196)
Tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận	1.256	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	280
Tổng chi phí thuế thu nhập	670.872	552.728

(c) Thuế suất áp dụng

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, thuế suất thuế thu nhập của Ngân hàng và các công ty con là 25% theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên lợi nhuận sau thuế là 2.072.755 triệu VNĐ (2009: 1.700.169 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 693.218.371 cổ phiếu (2009 trình bày lại: 693.218.371 cổ phiếu), được tính như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.072.755	1.700.169

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2010	2009 (Điều chỉnh lại)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	540.041.671	364.201.471
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thường đã phát hành	-	175.840.200
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (đã kiểm toán)	540.041.671	540.041.671
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành trong năm 2010	153.176.700	153.176.700
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	693.218.371	693.218.371

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2010 VNĐ	2009 VNĐ (Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.990	2.453

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế (cơ bản)	2.072.755	1.700.169
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	2.072.755	1.700.169

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2010	2009 (Điều chỉnh lại)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	693.218.371	693.218.371
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi của trái phiếu có thể chuyển đổi	174.536.518	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	867.754.889	693.218.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2010	2009 (Điều chỉnh lại)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	2.389	2.453

31. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	1.553.316	1.141.702
Vàng tại quỹ	2.762.893	831.355
Tiền gửi tại NHNNVN	2.752.951	2.719.744
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	33.670.276	16.264.905
	40.739.436	20.957.706

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền có tiền và các khoản tương đương tiền bằng các ngoại tệ khác VNĐ trị giá tương đương 10.762.266 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 6.312.354 triệu VNĐ).

32. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Techcombank có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Techcombank đầu tư vốn, các thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân viên của Techcombank, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Techcombank trong năm. Các điều khoản của những giao dịch này do ban lãnh đạo Techcombank phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

	Số dư	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Tiền gửi tại các bên liên quan	3.393	17.736
Tiền cho vay của Ngân hàng	591.852	594.001
Tiền gửi tại Ngân hàng	1.399.398	1.079.751
Nguồn vốn ủy thác đầu tư cho Ngân hàng	986.000	340.000
Phát hành giấy tờ có giá	140.000	340.000

	Các giao dịch	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi	23.313	38
Chi phí lãi	59.004	40.675

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

33. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2010	2009
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	7.481	5.548
Số lượng cán bộ, công nhân viên trong năm (người)	6.515	5.092
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương (Triệu VNĐ)	639.430	363.981
2. Các khoản phụ cấp (Triệu VNĐ)	115.086	247.714
	754.516	611.695
Tiền lương bình quân năm (Triệu VNĐ)	98	71
Thu nhập bình quân năm (Triệu VNĐ)	116	120

34. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 Triệu VNĐ	Số phát sinh trong năm Triệu VNĐ	Số đã nộp trong năm Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	19.675	97.592	(91.999)	25.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	275.001	675.152	(550.979)	399.174
Các loại thuế khác	11.379	70.974	(60.081)	22.272
	306.055	843.718	(703.059)	446.714

35. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Bất động sản	60.946.949	34.542.698
Động sản	53.810.924	35.504.296
Giấy tờ có giá	10.873.169	7.829.265
Các tài sản đảm bảo khác	15.542.215	21.921.402
	141.173.257	99.797.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Techcombank có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà ban lãnh đạo Techcombank sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Techcombank dễ gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(i) Rủi ro tín dụng

Techcombank chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay và đầu tư cũng như khi Techcombank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Techcombank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Techcombank chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Techcombank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Techcombank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra Techcombank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Techcombank tiến hành đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác dựa trên quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong Thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất số 2(h), 2(i) và 2(j).

Để quản lý rủi ro tín dụng Techcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

(ii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Techcombank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Techcombank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Techcombank theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và công nợ tài chính có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Từ 5 năm trên	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	-	4.316.209	-	-	-	-	4.316.209
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.752.951	-	-	-	-	2.752.951
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	31.067.972	5.759.057	8.487.856	1.516.271	-	46.831.156
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	258.994	-	307.614	-	-	566.608
Cho vay khách hàng - góp	1.230.406	1.398.388	6.396.894	11.291.873	15.431.072	8.075.315	9.103.909	52.927.857
Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	457.063	777.380	9.589.860	17.014.001	3.218.000	31.056.304
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	660	-	-	-	68.985	69.645
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	3.012	1.000.895	1.003.907
Tài sản có khác	-	-	3.552.912	4.077.000	3.837.767	-	-	11.467.679
	1.230.406	1.398.388	48.803.655	21.905.310	37.654.169	26.608.599	13.391.789	150.992.316
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	8.091.316	-	-	-	-	8.091.316
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	14.730.998	4.101.947	7.186.399	954.160	809.610	27.783.114
Tiền gửi của khách hàng	-	-	50.507.192	17.854.894	9.442.145	2.686.608	59.914	80.550.753
Công cụ tài chính phải sinh và các công nợ tài chính khác	-	-	49.692	3.754	(558)	-	-	52.888
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	2.153.536	2.264.485	1.170.172	1.048.667	4.230	6.641.090
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	855.034	1.038.496	4.777.651	8.352.404	632	15.024.217
Các khoản nợ phải trả khác	-	-	532.314	722.451	1.455.345	47.844	722	2.758.676
	-	-	76.920.082	25.986.027	24.031.154	13.089.683	875.108	140.902.054
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.230.406	1.398.388	(28.116.427)	(4.080.717)	13.623.015	13.518.916	12.516.681	10.090.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Techcombank chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi dao hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Techcombank được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Triệu VND)	Quá hạn chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản							
Tiền và vàng	-	4.316.209	-	-	-	-	4.316.209
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	2.752.951	-	-	-	-	2.752.951
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	26.799.343	9.425.931	6.946.196	3.659.686	46.831.156
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	379.954	-	-	186.654	-	566.608
Cho vay khách hàng - góp	1.030.033	-	39.423.140	7.116.044	2.977.314	2.089.160	292.166
Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	261.500	1.077.380	3.395.505	13.414.919	12.907.000
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	69.645	-	-	-	-	69.645
Tài sản cố định	-	1.003.907	-	-	-	-	1.003.907
Tài sản có khác	-	618.336	8.995.212	410.126	1.228.980	215.025	11.467.679
1.030.033	9.141.002	75.479.195	18.029.481	14.547.995	19.565.444	13.199.166	150.992.316
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	8.091.316	-	-	-	8.091.316
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	20.564.859	1.314.970	2.348.462	2.562.186	27.783.114
Tiền gửi của khách hàng	-	-	56.501.005	15.657.865	4.667.202	3.724.681	80.550.753
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	52.888	-	-	-	-	52.888
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	2.153.536	2.264.485	1.170.172	139.241	913.656
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	855.034	1.038.496	4.777.651	3.852.403	4.500.633
Các khoản nợ khác	-	2.605.914	-	-	-	152.762	2.758.676
2.658.802	88.165.750	20.275.816	12.963.487	10.278.511	6.559.688	140.902.054	10.090.262
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	1.030.033	6.482.200	(2.686.555)	(2.246.335)	1.584.508	9.286.933	6.639.478
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất ngoại bảng	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	1.030.033	6.482.200	(2.686.555)	(2.496.335)	1.584.508	9.286.933	10.090.262

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Techcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Techcombank cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của Techcombank chủ yếu bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Techcombank bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Techcombank đã thiết lập hạn mức trang trải cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Techcombank và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Techcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Triệu VND)

Tài sản	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tiền và vàng	1.257.998	233.759	54.600	2.762.893	6.959	4.316.209
Tiền gửi tại NHNNVN	2.131.347	621.604	-	-	-	2.752.951
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	33.335.723	12.277.412	1.134.668	-	83.353	46.831.156
Chứng khoán kinh doanh - góp	566.608	-	-	-	-	566.608
Cho vay khách hàng - góp	41.015.338	11.350.600	417.606	-	144.313	52.927.857
Chứng khoán đầu tư - góp	28.879.124	2.177.180	-	-	-	31.056.304
Góp vốn, đầu tư dài hạn	69.645	-	-	-	-	69.645
Tài sản cố định	1.003.907	-	-	-	-	1.003.907
Tài sản có khác	11.304.603	159.757	1.818	-	1.501	11.467.679
119.564.293	26.820.312	1.608.692	2.762.893	2.762.893	236.126	150.992.316
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	8.091.316	-	-	-	-	8.091.316
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14.283.902	12.069.170	850.269	516.672	63.101	27.783.114
Tiền gửi của khách hàng	65.167.420	14.398.308	910.956	7	74.062	80.550.753
Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	560.195	(364.151)	(143.156)	-	-	52.888
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	5.756.161	884.929	-	-	-	6.641.090
Phát hành giấy tờ có giá	11.049.377	1.798.540	-	2.176.300	-	15.024.217
Các khoản nợ khác	2.628.366	122.387	2.982	3.385	1.556	2.758.676
107.536.737	28.909.183	1.621.051	2.696.364	138.719	140.902.054	10.090.262
Trạng thái tiền tệ nội bảng	12.027.556	(2.088.871)	(12.359)	66.529	97.407	10.090.262
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(1.472.395)	1.427.330	36.080	-	(30.240)	(39.225)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	10.555.161	(661.541)	23.721	66.529	67.167	10.051.037

Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính này (ngày 7 tháng 3 năm 2011), tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đã được điều chỉnh tăng khoảng 9,1% (từ 18.932 VND/1 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lên 20.658 VND/1 USD).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

37. CÁC HỢP ĐỒNG HÀNG HÓA TƯƠNG LAI

Techcombank làm môi giới giúp khách hàng ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giá trị theo các thị trường

	Mua Triệu VNĐ	Bán Triệu VNĐ	Số dư thuần Triệu VNĐ
Thị trường Cà phê Luân Đôn và Thị trường New York	-	-	-
Thị trường Chicago	1.352	127.171	(125.819)
Thị trường Kim loại Luân Đôn	-	1.568.898	(1.568.898)
Thị trường Giao dịch Công cụ Tài chính Tùy chọn và Tương lai Luân Đôn	151.668	240.328	(88.660)
Ủy ban Thương mại New York	20.789	207.384	(186.595)
Thị trường Kim Loại Luân Đôn	1.566.546	-	1.566.546
Thị trường Giao dịch Hàng hóa	-	83.538	(83.538)
Thị trường cao su Nhật Bản (Tocom)	22.768	6.823	15.945
	1.763.123	2.234.142	(471.019)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giá trị theo các thị trường

	Mua Triệu VNĐ	Bán Triệu VNĐ	Số dư thuần Triệu VNĐ
Thị trường Cà phê Luân Đôn và Thị trường New York	1.461.310	17.847	1.443.463
Thị trường Chicago	-	6.810	(6.810)
Thị trường Kim loại Luân Đôn	3.186.742	3.321.301	(134.559)
Thị trường cao su Nhật Bản (Tocom)	-	4.141	(4.141)
	4.648.052	3.350.099	1.297.953

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD-HN

38. CAM KẾT

(i) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Techcombank không có những cam kết chi tiêu vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Techcombank có những cam kết chi tiêu vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được hạch toán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Được phê duyệt và ký hợp đồng	-	361.852

(ii) Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Dưới một năm	1.980	110.578
Từ hai đến năm năm	164.668	279.972
Trên năm năm	266.197	92.539
	432.845	483.089

Người duyệt:



Bùi Thu Trang
Kế toán trưởng
08/03/2011



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc



Mở rộng mạng lưới, chúng tôi luôn
Hướng tới khách hàng

TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ VỀ DỊCH VỤ THUẬN TIỆN

Ngoài việc tiếp tục phát triển hệ thống chi nhánh, Techcombank sẽ tập trung phát triển các giải pháp kênh phân phối điện tử (e-channels), thương mại điện tử (e-commerce) để khách hàng có những trải nghiệm thực tế về dịch vụ thuận tiện và khác biệt của Ngân hàng.



MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH

TÍNH ĐẾN 31/12/2010 (ĐÃ ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG)



STT	Tỉnh/TP	Số lượng
1	An Giang	2
2	Bắc Giang	2
3	Bắc Ninh	5
4	Bình Định	1
5	Bình Dương	4
6	Cà Mau	1
7	Cần Thơ	4
8	Đà Nẵng	10
9	Đắk Lắk	2
10	Đồng Nai	6
11	Đồng Tháp	1
12	Gia Lai	1
13	Hà Nội	82
14	Hà Tĩnh	2
15	Hải Dương	3
16	Hải Phòng	9
17	Huế	3
18	Hưng Yên	3
19	Khánh Hòa	5
20	Kiên Giang	1
21	Lào Cai	3
22	Lạng Sơn	3
23	Lâm Đồng	1
24	Long An	1
25	Nam Định	2
26	Ninh Bình	1
27	Nghệ An	4
28	Quảng Nam	3
29	Quảng Ngãi	2
30	Quảng Ninh	5
31	Phú Thọ	3
32	TP. Hồ Chí Minh	88
33	Tây Ninh	1
34	Thanh Hóa	2
35	Thái Bình	1
36	Thái Nguyên	4
37	Tiền Giang	1
38	Vĩnh Long	1
39	Vĩnh Phúc	4
40	Vũng Tàu	5
Tổng		282

designed & produced by Aquarius



Thông tin dành cho cổ đông và nhà đầu tư:
https://www.techcombank.com.vn/Desktop.aspx/Nha_dau_tu/TB-danh-cho-co-dong/

Vui lòng truy cập vào website để xem phiên bản Báo cáo thường niên 2010 online và cập nhật các thông tin và hoạt động mới nhất của cổ đông.